

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026
HỘI ĐỒNG CHẤM THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH



BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG CỎI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
1	060001	HỒ THỊ PHƯƠNG AN	Nữ	08/11/2010	6.73	7.44	6.96	7.49	7.16	2.75	1.50	4.50	0.0	0.0	8.27	
2	060002	HỒ THỊ THÚY AN	Nữ	24/03/2010	7.6	8.05	8.38	8.9	8.23	6.75	6.25	4.50	0.0	0.0	14.72	
3	060003	NGUYỄN QUỐC AN	Nam	26/02/2010	9.6	9.53	9.56	9.61	9.58	7.50	7.75	9.25	0.0	0.0	20.02	
4	060004	PHẠM NGUYỄN HIẾU AN	Nữ	03/05/2010	7.3	8.08	8.15	7.75	7.82	4.75	2.50	5.75	0.0	0.0	11.45	
5	060005	CHIÊM HOÀNG ANH	Nữ	21/12/2009	7.01	6.74	7.2	7.76	7.18	2.50	1.00	2.75	0.0	0.0	6.53	
6	060006	ĐẶNG VIỆT ANH	Nam	10/09/2010	7.71	7.99	8	8.63	8.08	6.50	5.25	4.50	0.0	0.0	13.80	
7	060007	LÊ CÔNG TUẤN ANH	Nam	25/05/2010	7.08	6.79	7.09	7.66	7.16	6.50	4.50	4.25	0.0	0.0	12.82	
8	060008	LÊ ĐỨC ANH	Nam	16/04/2010	6.39	6.41	5.79	5.76	6.09	5.25	4.00	2.75	0.0	0.0	10.23	
9	060009	LÊ HỒNG ANH	Nữ	16/01/2010	9.4	9.21	9.19	9.39	9.3	7.75	7.25	8.25	0.0	0.0	19.07	
10	060010	LÊ HUỲNH TRÂM ANH	Nữ	21/10/2010	8.58	8.45	8.13	8.61	8.44	6.25	6.50	7.75	0.0	0.0	16.88	
11	060011	LÊ NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	04/04/2010	8.53	9.18	8.75	8.88	8.84	7.75	5.75	7.75	0.0	0.0	17.53	
12	060012	LÊ THỊ HUỲNH ANH	Nữ	25/05/2010	7.25	7.54	7.7	7.09	7.4	5.00	1.50	2.75	0.0	0.0	8.70	
13	060013	MAI BẢO ANH	Nam	17/11/2009	5.06	5.88	5.49	5.95	5.6	4.50	0.50	3.50	0.0	0.0	7.63	Liệt
14	060014	NGÔ THỊ HUỲNH ANH	Nữ	19/01/2010	8.48	7.65	7.09	6.81	7.51	5.50	2.50	4.00	0.0	0.0	10.65	
15	060015	NGUYỄN DIỆU ANH	Nữ	13/10/2010	9.46	9.5	9.48	9.2	9.41	8.00	8.00	9.00	0.0	0.0	20.32	
16	060016	NGUYỄN HÙNG ANH	Nam	16/10/2010	5.9	6.53	5.69	6.31	6.11	5.50	3.25	2.25	0.0	0.0	9.53	
17	060017	NGUYỄN LAN ANH	Nữ	13/01/2010	8.05	8.31	8.24	8.21	8.2	7.00	3.50	5.25	0.0	0.0	13.49	
18	060018	NGUYỄN THỊ DUYÊN ANH	Nữ	16/08/2010	7.15	7.61	5.78	7.14	6.92	5.25	1.00	4.00	0.0	0.0	9.25	
19	060019	TRÀ THẢO ANH	Nữ	25/01/2010	9.05	9.25	9.36	9.19	9.21	7.75	6.00	7.25	0.0	0.0	17.46	
20	060020	TRẦN PHONG NHẬT ANH	Nam	15/05/2010	8.19	7.58	7.69	7.48	7.74	6.00	5.50	6.75	0.0	0.0	15.10	
21	060021	VŨ PHƯƠNG HOÀI ANH	Nữ	26/01/2010	9.04	9.24	9.45	9.16	9.22	7.00	7.00	8.00	0.0	0.0	18.17	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
22	060022	NGUYỄN LÊ KHẢ ÁI	Nữ	01/12/2010	7.6	7.74	7.31	6.66	7.33	4.17	0.00	4.00	0.0	0.0	7.92	Liệt
23	060023	ĐẶNG LÊ HỒNG ÂN	Nữ	01/04/2010	8.36	8.85	8.5	8.45	8.54	5.50	3.75	3.00	0.0	0.0	11.14	
24	060024	BÙI GIA BẢO	Nam	25/09/2010	7.66	7.94	7.78	7.39	7.69	5.75	0.50	4.25	0.0	0.0	9.66	Liệt
25	060025	ĐÀO DƯƠNG GIA BẢO	Nam	29/07/2010	6.88	6.45	6.94	6.01	6.57	1.25	0.00	3.50	0.0	0.0	5.30	Liệt
26	060026	HUỲNH GIA BẢO	Nam	07/01/2010	7.54	7.06	8.28	8.28	7.79	6.50	2.50	1.75	0.0	0.0	9.86	
27	060027	HUỲNH QUỐC BẢO	Nam	24/05/2010	6.55	6.26	6.45	6	6.32	3.00	0.50	2.25	0.0	0.0	5.92	Liệt
28	060028	LÊ GIA BẢO	Nam	28/06/2010	7.34	7.78	7.48	7.35	7.49	5.25	3.50	2.25	0.0	0.0	9.95	
29	060029	LÊ HOÀI BẢO	Nam	18/10/2010	8.41	8.78	9.31	9.21	8.93	7.92	6.25	9.50	0.0	0.5	19.75	
30	060030	LÊ HOÀNG BẢO	Nam	27/07/2010	5.61	6.11	6.08	7.43	6.31	3.25	3.50	7.25	0.0	0.0	11.69	
31	060031	LÊ HOÀNG GIA BẢO	Nam	22/10/2010	6.59	7.39	6.58	6.8	6.84	4.00	4.75	4.25	0.0	0.0	11.15	
32	060032	NGUYỄN CHÍ BẢO	Nam	20/04/2010	8.98	9.25	8.86	8.65	8.94	7.00	4.00	6.25	0.0	0.0	14.76	
33	060033	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	22/05/2010	8.74	8.53	8.56	8.19	8.51	7.00	4.50	4.00	0.0	0.0	13.40	
34	060034	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	28/10/2010	9.28	9.28	9.31	9.15	9.26	6.00	5.75	7.75	0.0	0.0	16.43	
35	060035	NGUYỄN HOÀNG BẢO	Nam	05/02/2010	9.14	8.94	9.01	9.63	9.18	7.25	8.00	9.00	0.0	0.0	19.73	
36	060036	NGUYỄN HUY BẢO	Nam	13/08/2010	6.63	7.5	6.9	7.06	7.02	4.25	3.00	1.25	0.0	0.0	8.06	
37	060037	NGUYỄN HUỲNH GIA BẢO	Nam	08/02/2010	9.03	8.89	7.85	8.26	8.51	5.50	4.00	4.50	0.0	0.0	12.35	
38	060038	NGUYỄN HUỲNH QUỐC BẢO	Nam	11/12/2010	6.95	6.45	5.6	7.16	6.54	5.25	1.00	6.00	0.0	0.0	10.54	
39	060039	NGUYỄN HUỲNH THIÊN BẢO	Nam	28/04/2010	8.29	8.31	8.06	8	8.17	5.50	3.50	2.75	0.0	0.0	10.68	
40	060040	ÔNG TRẦN GIA BẢO	Nam	16/07/2010	8.36	8	7.43	8.4	8.05	6.50	6.25	6.00	0.0	0.0	15.54	
41	060041	PHẠM HOÀNG GIA BẢO	Nam	20/01/2010	8.4	8.09	8.1	7.5	8.02	5.50	3.50	3.75	0.0	0.0	11.33	
42	060042	PHẠM NGỌC BẢO	Nam	20/08/2010	8.25	8.81	8.48	8.93	8.62	5.25	7.25	8.00	0.0	0.0	16.94	
43	060043	TRẦN GIA BẢO	Nam	10/06/2010	7.94	7.03	7.31	8.54	7.71	5.25	4.75	7.75	0.0	0.0	14.74	
44	060044	LÊ THANH BÌNH	Nam	23/02/2010	6.08	5.34	5.06	5.54	5.51	1.50	1.50	1.50	0.0	0.0	4.80	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
45	060045	VƯƠNG HUY BÌNH	Nam	27/03/2010	5.66	6.7	6.75	6.8	6.48	4.25	1.25	3.00	0.0	0.0	7.89	
46	060046	TRẦN NGỌC CHÂU	Nữ	18/08/2010	9.59	9.74	9.61	9.59	9.63	7.25	8.50	8.75	0.0	0.0	20.04	
47	060047	BÙI MINH CHIẾN	Nam	16/03/2010	8.66	7.65	6.56	8.04	7.73	6.00	3.75	6.50	0.0	0.0	13.69	
48	060048	ĐẶNG THỊ KIỆU CHINH	Nữ	03/10/2010	8.5	8.61	8.66	8.14	8.48	4.25	3.00	4.00	0.0	0.0	10.42	
49	060049	HỒ VĂN CHÍ	Nam	28/10/2010	6.35	6.26	6.51	5.99	6.28	4.25	2.50	2.75	0.0	0.0	8.53	
50	060050	NGUYỄN NGUYỄN CHƯƠNG	Nam	30/08/2010	5.9	6.74	7.34	7.2	6.8	5.00	4.00	5.00	0.0	0.0	11.84	
51	060051	NGUYỄN NGỌC KIM CƯỜNG	Nữ	21/12/2010	5.79	7.11	6.53	6.11	6.39	2.50	0.50	3.75	0.0	0.0	6.64	Liệt
52	060052	PHẠM PHÚC CƯỜNG	Nam	13/06/2010	6.21	6.93	6.86	6.59	6.65	5.50	2.75	3.50	0.0	0.0	10.22	
53	060053	HUỖNH THANH DANH	Nam	29/07/2010	6.95	5.45	5.56	6.13	6.02	4.50	1.75	3.75	0.0	0.0	8.81	
54	060054	TRẦN THẾ DANH	Nam	09/07/2010	8.2	8.84	8.93	8.48	8.61	6.00	7.00	7.00	0.0	0.0	16.58	
55	060055	KHUU THỊ NGỌC DIỆP	Nữ	24/04/2010	7.26	7.14	7.06	7.49	7.24	6.75	3.00	3.50	0.0	0.0	11.45	
56	060056	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	12/10/2010	9.43	9.14	9.45	9.21	9.31	8.00	4.75	6.25	0.0	0.0	16.09	
57	060057	LÊ VĂN DINH	Nam	19/10/2010	9.25	9.03	8.68	8.94	8.98	6.75	5.75	7.75	0.0	0.0	16.87	
58	060058	HUỖNH PHẠM DOANH DOANH	Nữ	16/06/2010	6.33	7.26	6.34	6.6	6.63	5.50	1.00	3.50	0.0	0.0	8.99	
59	060059	NGUYỄN TRỌNG DU	Nam	11/08/2010	6.23	6.79	6.54	7.23	6.7	5.25	1.75	3.00	0.0	0.0	9.01	
60	060060	HÀ THỊ PHƯƠNG DUNG	Nữ	06/05/2010	8.14	7.55	7.33	8.31	7.83	7.00	4.25	5.50	0.0	0.0	14.07	
61	060061	LÊ ĐỨC DUY	Nam	02/05/2010	7.51	7.76	7.56	7.43	7.57	6.25	3.75	3.25	0.0	0.0	11.55	
62	060062	LÊ HỒNG BẢO DUY	Nam	26/10/2010	7.59	7.53	7.05	7.74	7.48	5.25	4.00	4.75	0.0	0.0	12.04	
63	060063	LÊ MINH DUY	Nam	15/12/2010	6.98	7.86	7.26	7.7	7.45	6.50	2.75	2.75	0.0	0.0	10.64	
64	060064	LÝ HOÀNG ANH DUY	Nam	30/07/2010	6.6	7.5	6.61	6.89	6.9	4.50	4.50	4.00	0.0	0.0	11.17	
65	060065	NGUYỄN BẢO DUY	Nam	27/02/2010	6.06	6.94	6.03	5.96	6.25	3.50	1.50	2.75	0.0	0.0	7.30	
66	060066	TRẦN THANH DUY	Nam	06/09/2010	6.15	7.49	7.3	7.44	7.1	2.25	1.25	4.00	0.0	0.0	7.38	
67	060067	VÔ THẾ DUY	Nam	19/12/2010	8.63	9.01	8.94	8.44	8.76	7.50	7.25	6.50	0.0	0.0	17.50	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
68	060068	DU PHÚC DUYÊN	Nữ	27/08/2010	7.24	7.54	6.36	7.45	7.15	4.25	1.50	3.25	1.0	0.0	9.45	
69	060069	NGUYỄN ĐOÀN KIM DUYÊN	Nữ	15/09/2010	7.68	7.5	8.11	7.31	7.65	4.00	1.00	3.00	0.0	0.0	7.90	
70	060070	NGUYỄN THỊ NGỌC DUYÊN	Nữ	19/01/2010	7.73	8.29	7.4	7.83	7.81	6.75	2.75	5.00	0.0	0.0	12.49	
71	060071	NGUYỄN QUỐC DŨNG	Nam	20/03/2010	6.11	6.83	7.11	6.69	6.69	2.50	0.50	2.25	0.0	0.0	5.68	Liệt
72	060072	HUỲNH THỊ THUỖ DƯƠNG	Nữ	21/09/2010	7.24	7.75	7.69	7.06	7.44	4.00	3.00	2.25	0.0	0.0	8.71	
73	060073	LÂM THỊ THUỖ DƯƠNG	Nữ	27/07/2010	7.81	7.98	6.89	8.43	7.78	6.25	4.75	4.50	0.0	0.0	13.18	
74	060074	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	Nữ	03/12/2010	6.7	6.49	6.03	8.11	6.83	4.25	2.75	4.75	0.0	0.0	10.27	
75	060075	NGUYỄN LÊ THUỖ DƯƠNG	Nữ	29/05/2010	8.83	8.69	8.84	8.56	8.73	6.75	5.25	6.50	0.0	0.0	15.57	
76	060076	PHAN NGỌC THUỖ DƯƠNG	Nữ	29/01/2010	8.86	8.29	8.1	7.58	8.21	7.25	4.75	5.00	0.0	0.0	14.36	
77	060077	BÙI CHÍ DŨNG	Nam	28/05/2010	8.18	8.43	6.25	7.7	7.64	5.75	3.50	4.50	0.0	0.0	11.92	
78	060078	NGUYỄN TRÚC ĐÀO	Nữ	07/03/2010	9.08	9.28	9.21	9.5	9.27	5.50	6.50	4.75	0.0	0.0	14.51	
79	060079	NGUYỄN MINH ĐẠO	Nam	28/03/2010	6.34	6.9	6.68	6.25	6.54	6.00	1.50	3.75	0.0	0.0	9.84	
80	060080	DỊP NAM ĐẠT	Nam	18/10/2010	6.35	6.79	7.03	6.46	6.66	4.25	1.00	5.00	0.0	0.0	9.17	
81	060081	DƯƠNG TÂN ĐẠT	Nam	24/11/2010	7.93	8.14	7.24	7.35	7.67	5.00	1.25	5.00	0.0	0.0	10.18	
82	060082	ĐÀM TIẾN ĐẠT	Nam	25/08/2010	7.65	7.61	6.79	7.69	7.44	6.00	4.25	6.00	0.0	0.0	13.61	
83	060083	HUỲNH TUẤN ĐẠT	Nam	17/12/2010	8.65	8.56	8.75	8.83	8.7	5.75	5.25	6.75	0.0	0.0	15.04	
84	060084	LÊ TUẤN ĐẠT	Nam	25/03/2010	8.09	8.09	7.91	7.78	7.97	5.75	4.50	7.00	0.0	0.0	14.47	
85	060085	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	Nam	06/01/2010	7.94	8.38	8.55	7.89	8.19	5.25	1.25	5.50	0.0	0.0	10.86	
86	060086	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	Nam	18/08/2010	6.91	7.56	7.4	7.31	7.3	6.00	4.75	5.00	0.0	0.0	13.22	
87	060087	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	11/07/2010	6.9	7.66	7.11	7.16	7.21	6.25	4.00	2.50	0.0	0.0	11.09	
88	060088	TRƯƠNG TIẾN ĐẠT	Nam	29/01/2010	6.51	7.08	6.05	6.3	6.49	2.75	2.50	3.25	0.0	0.0	7.90	
89	060089	ĐÀO MINH ĐĂNG	Nam	11/05/2010	8	7.5	8.03	8.45	8	6.25	4.25	4.50	0.0	0.0	12.90	
90	060090	ĐOÀN ANH HẢI ĐĂNG	Nam	26/03/2010	8.85	8.91	9.05	8.86	8.92	6.00	8.25	5.25	0.0	0.0	16.33	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
91	060091	BÙI TRIỆU ĐÔ	Nam	21/09/2010	5.76	6.98	7.31	7.38	6.86	5.00	3.75	3.00	0.0	0.0	10.28	
92	060092	NGUYỄN LÊ THÀNH ĐÔ	Nam	03/05/2010	8.69	8.58	7.88	7.31	8.12	6.00	4.00	4.00	0.0	0.0	12.24	
93	060093	VÕ ĐỒNG ĐÔ	Nam	16/11/2010	7.58	7.7	8.03	7.78	7.77	3.75	2.75	4.25	0.0	0.0	9.86	
94	060094	ĐẶNG HỒ ĐÔNG	Nam	18/07/2010	7.05	7.9	7.01	7.14	7.28	5.75	3.00	2.25	0.0	0.0	9.88	
95	060095	NGÔ ANH ĐỨC	Nam	27/11/2010	6.84	7.23	7.49	7.03	7.15	4.50	7.00	5.50	0.0	0.0	14.05	
96	060096	ĐOÀN THỊ HỒNG GÁM	Nữ	06/01/2010	8.7	8.66	8.74	8.6	8.68	6.83	3.00	3.25	1.5	0.0	13.26	
97	060097	LÊ TRẦN NGÔ GIA	Nam	22/09/2010	6.19	7.38	6.38	6.61	6.64	3.50	1.50	2.75	0.0	0.0	7.42	
98	060098	TRẦN PHẠM HOÀNG GIA	Nam	05/10/2010	8.3	8.33	8.36	7.75	8.19	5.25	3.00	3.50	0.0	0.0	10.68	
99	060099	ĐỖ QUỐC GIÀU	Nam	14/07/2010	7.53	9.03	8.64	8.24	8.36	6.25	3.25	3.00	0.0	0.0	11.26	
100	060100	NGUYỄN NGỌC BẢO GIÀU	Nam	09/03/2010	8.1	8.08	7.61	7.61	7.85	5.00	0.50	4.50	0.0	0.0	9.36	Liệt
101	060101	NGUYỄN XUÂN GIÀU	Nữ	03/10/2010	7.58	8.71	8.99	8.98	8.57	7.75	5.00	6.25	0.0	0.0	15.87	
102	060102	NGUYỄN HUỲNH KHÁNH HÀ	Nữ	22/09/2010	8.48	8.26	8.71	8.3	8.44	6.25	3.75	4.75	0.0	0.0	12.86	
103	060103	NGUYỄN NGỌC HÀ	Nữ	02/12/2010	8.51	8.45	8.53	8.4	8.47	7.75	3.00	4.25	0.0	0.0	13.04	
104	060104	PHẠM THỊ TRÚC HÀ	Nữ	23/09/2010	8.75	7.96	8.63	8.95	8.57	7.75	7.25	6.00	0.0	0.0	17.27	
105	060105	NGUYỄN NHẬT HÀO	Nam	13/10/2010	7.24	7.46	7.6	7.64	7.49	6.75	3.50	4.25	0.0	0.0	12.40	
106	060106	NGUYỄN VŨ HÀO	Nam	16/10/2010	6.71	6.69	6.74	6.56	6.68	5.25	3.00	3.75	0.0	0.0	10.40	
107	060107	NHAN LÝ HÀO	Nam	28/04/2010	6.93	7.19	6.79	7.39	7.08	6.50	2.25	5.00	1.0	0.0	12.75	
108	060108	TRẦN QUỐC HÀO	Nam	06/02/2010	8.48	8.11	7.58	8.03	8.05	4.50	6.25	5.25	0.0	0.0	13.62	
109	060109	TRẦN VĨ HÀO	Nam	20/11/2010	6.09	6.65	5.83	5.93	6.13	1.25	0.00	2.25	0.0	0.0	4.29	Liệt
110	060110	VÕ LÝ NHẬT HÀO	Nam	22/01/2010	7.59	7.71	7.84	7.58	7.68	6.25	3.00	3.00	0.0	0.0	10.88	
111	060111	ĐẶNG HOÀNG HẢI	Nam	26/11/2010	8.21	8.26	8.45	8.53	8.36	5.75	7.25	4.50	0.0	0.0	14.76	
112	060112	TRẦN HOÀNG GIA HẢO	Nam	05/03/2010	8.48	8.75	8.65	8.83	8.68	6.00	3.75	3.75	0.0	0.0	12.05	
113	060113	NGUYỄN HỒNG HẠ	Nữ	22/07/2010	8.19	8.23	7.81	7	7.81	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.34	Liệt

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
114	060114	HUỶNH KIM HẰNG	Nữ	04/02/2010	9.28	9.15	9.03	9.44	9.23	7.75	8.25	6.25	0.0	0.0	18.34	
115	060115	VÕ THỊ THÚY HẰNG	Nữ	08/09/2010	9.2	9.08	9	9.33	9.15	7.75	5.00	8.50	0.0	0.0	17.62	
116	060116	DƯƠNG NGỌC HÂN	Nữ	28/09/2010	8.68	8.95	8.53	8.49	8.66	5.75	2.75	7.00	0.0	0.0	13.45	
117	060117	ĐÀO GIA HÂN	Nữ	14/02/2010	8.85	9.36	9.4	9.18	9.2	6.25	7.25	9.00	0.0	0.0	18.51	
118	060118	HUỶNH GIA HÂN	Nữ	13/07/2010	7.83	7.54	7.34	8.41	7.78	6.50	5.50	7.75	0.0	0.0	16.16	
119	060119	LÊ NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	14/12/2010	8.59	8.76	8.89	9.03	8.82	7.25	5.50	6.25	0.0	0.0	15.95	
120	060120	LÊ THỊ NGỌC HÂN	Nữ	21/06/2010	8.01	8.49	8.3	8.53	8.33	5.50	6.00	5.25	0.0	0.0	14.22	
121	060121	NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	04/02/2010	5.89	6.1	6.18	6.23	6.1	2.00	2.25	4.00	1.0	0.0	8.61	
122	060122	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	26/08/2010	8.58	8.71	7.4	8.09	8.2	7.25	3.75	3.25	0.0	0.0	12.44	
123	060123	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	Nữ	04/08/2010	8.53	8	8.33	8.29	8.29	5.25	4.75	2.75	0.0	0.0	11.41	
124	060124	NGUYỄN TRẦN GIA HÂN	Nữ	09/05/2010	7.98	7.01	7.4	8.81	7.8	6.75	4.00	4.25	0.0	0.0	12.84	
125	060125	PHẠM HÀ NGỌC HÂN	Nữ	01/01/2010	8.45	7.8	8.06	9	8.33	6.75	5.50	5.00	0.0	0.0	14.57	
126	060126	PHẠM HUỶNH GIA HÂN	Nữ	04/08/2010	9.18	9.35	9.54	9.69	9.44	8.25	8.00	9.75	0.0	0.0	21.03	
127	060127	TRẦN LÝ GIA HÂN	Nữ	15/12/2010	8.1	7.86	7.78	8.6	8.09	7.00	3.75	5.75	1.0	0.0	14.98	
128	060128	TRẦN NGỌC HÂN	Nữ	19/07/2010	8.33	7.96	7.55	8.83	8.17	6.25	6.25	6.00	0.0	0.0	15.40	
129	060129	LÊ NGUYỄN TRƯỜNG HẬN	Nam	16/11/2010	6.85	6.41	6.49	6.95	6.68	4.25	2.75	5.00	0.0	0.0	10.40	
130	060130	LÊ TRỌNG HẬU	Nam	18/11/2010	6.88	7.04	6.6	6.58	6.78	5.00	0.50	3.25	0.0	0.0	8.16	Liệt
131	060131	LÊ TRUNG HẬU	Nam	27/02/2010	7.53	7.83	7.89	7.39	7.66	5.75	5.50	5.00	0.0	0.0	13.67	
132	060132	ĐÀM THỊ THÚY HIỀN	Nữ	24/02/2010	8.78	8.63	8.61	8.48	8.63	6.25	6.00	6.50	0.0	0.0	15.71	
133	060133	VÕ THỊ THU HIỀN	Nữ	16/10/2010	8.93	8.83	8.73	9.29	8.95	6.00	5.25	7.50	0.0	0.0	15.81	
134	060134	NGUYỄN PHƯỚC HIẾU	Nam	05/11/2010	6.88	6.04	5.35	5.98	6.06	4.25	1.00	3.00	0.0	0.0	7.59	
135	060135	TRẦN KIM HIẾU	Nữ	17/07/2010	9.29	9.41	9.39	9.45	9.39	7.75	8.25	8.50	0.0	0.0	19.97	
136	060136	PHAN HOÀI HIỆP	Nam	15/11/2010	6.3	6.86	6.81	6.24	6.55	3.50	2.50	2.50	0.0	0.0	7.92	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG CỎI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
137	060137	TRẦN THỊ TUYẾT HOA	Nữ	13/05/2010	5.98	6.99	7.35	7.5	6.96	3.25	1.50	4.25	0.0	0.0	8.39	
138	060138	ĐỖ NGUYỄN MINH HOÀNG	Nam	02/12/2010	7.14	6.84	6.84	6.98	6.95	4.75	0.25	3.75	0.0	0.0	8.21	Liệt
139	060139	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	Nam	26/04/2010	6.89	5.96	5.55	5.78	6.05	1.75	0.00	1.25	0.0	0.0	3.92	Liệt
140	060140	TRẦN HUY HOÀNG	Nam	04/07/2010	7.69	8.08	8.64	8.51	8.23	5.75	5.50	7.75	0.0	0.0	15.77	
141	060141	TRẦN MAI HUY HOÀNG	Nam	03/04/2010	7.45	8.46	8.58	8.55	8.26	6.50	4.00	4.75	0.0	0.0	13.15	
142	060142	VƯƠNG PHI HOÀNG	Nam	15/05/2010	7.98	8.3	8.34	7.66	8.07	5.50	2.00	4.00	0.0	0.0	10.47	
143	060143	NGUYỄN HỮU THÁI HÒA	Nam	05/07/2010	7.78	8.21	7.73	7.96	7.92	4.75	5.25	5.50	0.0	0.0	13.23	
144	060144	NGUYỄN THÁI HỌC	Nam	03/04/2010	7.1	8.24	8.34	8.2	7.97	4.75	4.00	5.50	0.0	0.0	12.37	
145	060145	ĐÀM THỊ BÔNG HỒNG	Nữ	04/10/2010	8.23	8.06	7.83	7.29	7.85	5.00	4.00	5.00	0.0	0.0	12.16	
146	060146	BÙI ĐỨC HUY	Nam	22/02/2010	8.53	8.39	8.93	9.04	8.72	6.25	7.00	7.00	0.0	0.0	16.79	
147	060147	DƯƠNG THANH HUY	Nam	08/04/2010	9.1	9.1	8.88	9.23	9.08	7.00	8.00	4.75	0.0	0.0	16.55	
148	060148	ĐẶNG MINH HUY	Nam	07/11/2010	8.48	8.15	7.9	8.6	8.28	5.75	4.75	6.00	0.0	0.0	14.03	
149	060149	ĐẶNG NGUYỄN TƯỜNG HUY	Nam	28/01/2010	5.85	7.49	8.09	7.95	7.35	6.00	3.00	4.00	0.0	0.0	11.31	
150	060150	ĐẶNG QUANG HUY	Nam	08/02/2010	6.86	6.49	6.14	6.06	6.39	4.75	0.25	2.50	0.0	0.0	7.17	Liệt
151	060151	ĐINH THANH HUY	Nam	03/09/2010	7.69	7.34	6.78	7.19	7.25	6.00	4.00	5.75	1.0	0.0	14.20	
152	060152	LÊ ĐỨC HUY	Nam	13/01/2010	6.98	7.31	7.64	8.05	7.5	6.00	4.25	5.25	0.0	0.0	13.10	
153	060153	LÊ MINH HUY	Nam	30/07/2010	8.11	7.75	7.59	8.19	7.91	6.75	4.75	5.75	0.0	0.0	14.45	
154	060154	NGUYỄN HOÀNG HUY	Nam	22/03/2010	5.91	6.53	6.7	6.69	6.46	4.25	1.25	4.00	0.0	0.0	8.59	
155	060155	NGUYỄN HOÀNG GIA HUY	Nam	30/05/2010	9.06	8.01	7.01	7.59	7.92	6.50	2.25	4.50	0.0	0.0	11.65	
156	060156	NGUYỄN LÊ KHANG HUY	Nam	25/04/2010	6.5	6.64	6.19	6.4	6.43	4.00	2.50	2.00	0.0	0.0	7.88	
157	060157	NGUYỄN MINH HUY	Nam	12/07/2010	6.35	6.83	7.21	7.09	6.87	0.25	0.75	2.75	0.0	0.0	4.69	Liệt
158	060158	PHẠM GIA HUY	Nam	12/01/2010	9.18	9.21	9.31	9.38	9.27	8.00	7.00	8.25	0.0	0.0	19.06	
159	060159	PHẠM GIA HUY	Nam	30/07/2010	7.2	7.21	7.49	6.71	7.15	5.00	0.00	2.75	0.0	0.0	7.57	Liệt

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG CỎI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
160	060160	TRẦN GIA HUY	Nam	17/09/2010	7.61	8.21	8.26	7.94	8.01	6.00	2.25	4.25	0.0	0.0	11.15	
161	060161	TRẦN HOÀNG HUY	Nam	30/07/2010	6.4	7.06	7.09	7.01	6.89	3.75	0.00	2.25	0.0	0.0	6.27	Liệt
162	060162	TRẦN MINH HUY	Nam	27/04/2010	9.3	8.71	8.21	8.38	8.65	6.25	6.50	6.75	0.0	0.0	16.25	
163	060163	TRƯƠNG NGUYỄN HOÀNG HUY	Nam	20/09/2010	8.86	8.66	8.68	9.06	8.82	6.25	5.50	8.25	0.0	0.0	16.65	
164	060164	ĐẶNG VĂN HÙNG	Nam	06/12/2010	5.51	7.13	7.05	6.61	6.58	1.00	0.00	3.25	0.0	0.0	4.95	Liệt
165	060165	NGUYỄN MINH HÙNG	Nam	28/11/2010	6.83	7.09	6.21	6.44	6.64	3.50	4.00	2.25	0.0	0.0	8.82	
166	060166	NGUYỄN MINH CHẤN HÙNG	Nam	06/11/2010	9.29	9.05	8.24	8.51	8.77	6.67	4.25	6.75	0.0	0.0	15.00	
167	060167	TRƯƠNG TẤN HÙNG	Nam	18/07/2010	8.68	8.36	7.48	7.26	7.95	6.25	2.75	2.50	0.0	0.0	10.44	
168	060168	BÙI NGỌC MAI HƯƠNG	Nữ	08/01/2010	9.16	8.58	8.41	7.76	8.48	4.00	3.75	2.75	0.0	0.0	9.89	
169	060169	NGUYỄN THỊ HỒNG HƯƠNG	Nữ	27/05/2010	6.94	7.39	7.5	7.13	7.24	3.25	1.75	1.75	0.0	0.0	6.90	
170	060170	TRẦN HOÀNG DIỄM HƯƠNG	Nữ	12/03/2010	8.41	8.79	8.88	8.78	8.72	6.50	5.00	4.75	0.0	0.0	13.99	
171	060171	VÕ TRẦN NGỌC HƯƠNG	Nữ	06/12/2010	8.86	9.03	8.48	8.35	8.68	7.00	4.00	5.25	0.0	0.0	13.98	
172	060172	BUỐC MÔNG KHA	Nam	31/10/2010	5.48	5.1	5.15	6.23	5.49	6.25	5.50	3.75	0.0	0.0	12.50	
173	060173	ĐÀM VĨNH KHANG	Nam	14/05/2010	7.64	8.18	8.01	7.34	7.79	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.34	Liệt
174	060174	ĐỖ TRỌNG KHANG	Nam	06/11/2010	5.64	6.23	6.73	6.68	6.32	4.50	1.00	2.00	0.0	0.0	7.15	
175	060175	HUỶNH BẢO KHANG	Nam	16/08/2010	5.99	6.98	6.24	6.43	6.41	4.00	0.00	2.00	0.0	0.0	6.12	Liệt
176	060176	LÊ NGUYỄN THÁI KHANG	Nam	30/08/2010	8.35	7.86	7.69	7.7	7.9	6.00	4.00	4.75	0.0	0.0	12.70	
177	060177	NGÔ PHÙNG NHẬT KHANG	Nam	24/05/2010	8.11	8.38	7.96	8.59	8.26	7.00	3.75	5.25	0.0	0.0	13.68	
178	060178	NGUYỄN AN KHANG	Nam	08/08/2010	7.93	7.84	7.21	7.91	7.72	5.00	3.50	3.50	0.0	0.0	10.72	
179	060179	NGUYỄN CHỈ KHANG	Nam	13/11/2010	7.23	7	6.48	6.43	6.79	4.25	0.00	2.75	0.0	0.0	6.94	Liệt
180	060180	NGUYỄN HUỶNH DUY KHANG	Nam	18/10/2010	7.08	7.2	7.61	7.83	7.43	6.00	4.00	3.75	0.0	0.0	11.85	
181	060181	NGUYỄN LÊ TẤN KHANG	Nam	25/01/2010	7.56	6.96	7.33	7.2	7.26	2.25	2.00	2.75	0.0	0.0	7.08	
182	060182	NGUYỄN MINH KHANG	Nam	10/04/2010	7.64	8.35	7.38	7.41	7.7	7.00	2.25	6.25	0.0	0.0	13.16	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
183	060183	NGUYỄN TRẦN TUẤN KHANG	Nam	03/10/2010	6.5	6.95	8.09	7.96	7.38	6.00	4.00	5.50	0.0	0.0	13.06	
184	060184	NGUYỄN TRỌNG KHANG	Nam	05/06/2010	6.64	7.26	7.39	7.73	7.26	4.75	3.50	5.25	0.0	0.0	11.63	
185	060185	NGUYỄN TRỌNG KHANG	Nam	06/01/2010	6.18	6.94	7.15	6.54	6.7	5.00	3.75	3.25	0.0	0.0	10.41	
186	060186	TRẦN DUY KHANG	Nam	13/01/2010	9.34	9.05	8.88	8.88	9.04	7.75	5.00	4.75	0.0	0.0	14.96	
187	060187	TRƯƠNG NGỌC KHANG	Nam	25/08/2010	5.74	5.73	6.73	6.08	6.07	2.50	Vắng	Vắng	0.0	0.0	3.57	Liệt
188	060188	TRƯƠNG PHÚ KHANG	Nam	25/11/2010	8.38	8.93	8.6	8.74	8.66	6.50	5.25	5.00	0.0	0.0	14.32	
189	060189	VƯƠNG HOÀNG KHANG	Nam	29/08/2010	7.85	7.39	6.83	6.94	7.25	5.00	3.50	3.25	0.0	0.0	10.40	
190	060190	KHUU DUY KHÁNH	Nam	04/08/2010	8.71	9.2	9.28	9.01	9.05	8.00	5.75	5.75	0.0	0.0	16.37	
191	060191	LÊ BẢO KHÁNH	Nam	07/07/2010	6.54	7.6	7.93	6.96	7.26	4.25	3.50	3.50	0.0	0.0	10.05	
192	060192	LÊ NGÂN KHÁNH	Nữ	08/10/2010	8.48	8.24	8.78	8.34	8.46	5.75	4.25	4.25	0.0	0.0	12.51	
193	060193	NGUYỄN GIA KHÁNH	Nam	13/06/2010	6.86	7.95	8.16	8.05	7.76	4.75	4.00	3.25	0.0	0.0	10.73	
194	060194	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	Nam	08/02/2010	8.68	8.59	8.28	8.68	8.56	6.00	5.25	7.25	0.0	0.0	15.52	
195	060195	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	Nam	04/09/2010	6.04	6.78	7.18	7.18	6.8	1.50	0.00	4.00	0.0	0.0	5.89	Liệt
196	060196	TRI NGUYỄN HỒNG KHÁNH	Nữ	17/10/2010	9.46	9.39	9.58	9.79	9.56	9.00	9.25	8.00	0.0	0.0	21.24	
197	060197	TRƯƠNG QUANG KHẢI	Nam	01/05/2010	6.59	6.94	6.46	6.25	6.56	4.00	2.00	5.00	0.0	0.0	9.67	
198	060198	HUỖNH GIA KHIÊM	Nam	12/10/2010	9.38	8.79	8.83	9.24	9.06	7.00	7.00	8.00	1.0	0.0	19.12	
199	060199	VÕ NGUYỄN MINH KHIÊM	Nam	02/12/2009	8.29	8.16	7.58	7.9	7.98	5.75	3.75	5.75	0.0	0.0	13.07	
200	060200	HUỖNH THỊ YẾN KHOA	Nữ	04/03/2010	6.5	7.83	7.85	8.09	7.57	2.75	4.00	4.75	0.0	0.0	10.32	
201	060201	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	04/01/2010	8.5	8.6	8.54	7.56	8.3	4.75	3.00	5.50	0.0	0.0	11.77	
202	060202	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	11/10/2010	7.06	6.85	7.01	7.86	7.2	6.00	1.50	3.50	0.0	0.0	9.86	
203	060203	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	20/06/2010	6.76	6.86	7.21	7.71	7.14	4.50	2.00	5.25	0.0	0.0	10.37	
204	060204	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	20/11/2010	8.09	8.51	8.51	7.99	8.28	4.00	4.50	9.75	0.0	0.0	15.26	
205	060205	NGUYỄN TUẤN KHOA	Nam	21/05/2010	7.65	7.98	8.03	8.35	8	5.75	3.50	7.50	0.0	0.0	14.13	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
206	060206	HUỖNH NGUYỄN MINH KHÔI	Nam	06/07/2010	6.59	6.16	6.16	5.64	6.14	0.75	0.00	3.00	0.0	0.0	4.47	Liệt
207	060207	VÔ ANH KHÔI	Nam	13/11/2010	6.46	7.49	6.45	6.75	6.79	5.25	0.75	4.75	0.0	0.0	9.56	Liệt
208	060208	LÊ THANH KHƯƠNG	Nam	09/04/2010	9.29	9.19	8.84	9.18	9.13	6.25	5.25	8.25	0.0	0.0	16.56	
209	060209	HỒ DUY KIÊN	Nam	04/09/2010	7.98	8.81	8.49	8.61	8.47	6.25	3.50	7.50	0.0	0.0	14.62	
210	060210	PHẠM TRUNG KIÊN	Nam	10/09/2010	6.54	6.9	6.7	6.85	6.75	4.75	3.50	2.00	0.0	0.0	9.20	
211	060211	ĐINH DƯ HOÀNG KIỀU	Nam	20/02/2010	6.5	6.86	5.9	7.35	6.65	5.75	3.50	4.50	0.0	0.0	11.62	
212	060212	LÊ KIM KIỀU	Nữ	22/07/2010	6.94	7.73	7.34	6.2	7.05	4.25	2.00	2.75	0.0	0.0	8.42	
213	060213	LÂM VƯƠNG VIỆT KIẾT	Nam	22/05/2010	8.01	7.86	8.03	7.53	7.86	5.25	2.75	5.25	0.0	0.0	11.63	
214	060214	LƯU GIA KIẾT	Nam	25/04/2010	8.75	7.84	8.31	8.06	8.24	3.75	2.25	4.25	0.0	0.0	9.65	
215	060215	PHẠM ĐỖ ANH KIẾT	Nam	16/09/2010	8.64	7.76	7.84	8.25	8.12	5.75	4.25	5.00	0.0	0.0	12.94	
216	060216	NGUYỄN NGỌC THIÊN KIM	Nữ	10/03/2010	8.31	8.24	7.06	7.94	7.89	7.50	2.50	5.75	0.0	0.0	13.39	
217	060217	PHẠM NGUYỄN HOÀNG KIM	Nữ	26/09/2010	7.16	8.36	8.08	8.24	7.96	7.00	3.25	5.00	0.0	0.0	13.06	
218	060218	PHẠM THỊ THUYỀN KIM	Nữ	01/04/2010	8.86	8.98	8.88	8.74	8.87	7.00	5.25	3.75	0.0	0.0	13.86	
219	060219	VÔ HOÀNG KIM	Nữ	01/02/2010	8.23	8.36	8.53	8.41	8.38	5.75	2.75	4.50	0.0	0.0	11.61	
220	060220	LA TRIỆU MỸ KỲ	Nữ	29/11/2010	8.93	8.56	8.25	8.39	8.53	6.75	3.75	5.75	1.0	0.0	14.93	
221	060221	NGUYỄN NGỌC NHẢ KỲ	Nữ	31/08/2010	9.13	8.63	7.94	8.9	8.65	6.75	5.25	7.00	0.0	0.0	15.90	
222	060222	TRẦN DUY NHẢ KỲ	Nữ	12/05/2010	9.7	9.38	9.46	9.54	9.52	8.00	9.00	8.50	0.0	0.0	20.71	
223	060223	HỒ PHƯƠNG LAM	Nữ	01/10/2010	7.34	7.53	6.65	7.39	7.23	2.50	1.25	2.75	0.0	0.0	6.72	
224	060224	PHẠM THỊ TRÚC LAM	Nữ	08/07/2010	8.96	9.21	9.09	8.78	9.01	6.50	5.50	3.00	0.0	0.0	13.20	
225	060225	PHẠM TRÚC LAM	Nữ	19/06/2010	7.39	7.34	7.24	7.9	7.47	4.75	3.25	3.00	0.0	0.0	9.94	
226	060226	VÔ THỊ TƯỜNG LAM	Nữ	28/01/2010	7.68	7.85	6.23	7.29	7.26	3.00	2.50	2.50	0.0	0.0	7.78	
227	060227	PHẠM THỊ THÙY LAN	Nữ	09/07/2010	9.3	9.13	9.24	9.16	9.21	7.00	5.50	8.50	0.0	0.0	17.46	
228	060228	VÔ THỊ NGỌC LAN	Nữ	19/11/2010	9.04	8.34	8.2	8.04	8.41	5.25	1.50	3.00	0.0	0.0	9.35	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
229	060229	LÊ NGỌC LÂM	Nữ	23/08/2010	8.34	7.31	6.6	6.56	7.2	3.75	2.00	3.25	0.0	0.0	8.46	
230	060230	NGUYỄN THÙY LÂM	Nữ	06/02/2010	9.56	9.46	9.45	9.44	9.48	7.50	7.75	8.50	0.0	0.0	19.47	
231	060231	TRẦN NGUYỄN KHIẾT LÂM	Nam	22/10/2010	8.54	8.89	9.34	9.4	9.04	7.00	7.00	6.50	0.0	0.0	17.06	
232	060232	ĐẶNG TRẦN PHƯƠNG LINH	Nữ	13/12/2010	8.53	8.99	8.86	9.55	8.98	7.00	6.75	6.50	0.0	0.0	16.87	
233	060233	LÂM GIA LINH	Nữ	12/10/2010	7.05	8	7.88	8.03	7.74	6.25	3.00	3.50	0.0	0.0	11.25	
234	060234	NGUYỄN ĐOÀN PHƯƠNG LINH	Nữ	07/06/2010	7.96	8.98	8.41	8.91	8.57	6.00	7.50	6.25	0.0	0.0	16.40	
235	060235	NGUYỄN HÀ KIỀU LINH	Nữ	06/07/2010	7.4	7.08	7.4	8.94	7.71	6.25	4.50	5.25	0.0	0.0	13.51	
236	060236	NGUYỄN THỊ THÚY LINH	Nữ	08/11/2010	6.74	7.03	7.03	6.7	6.88	4.75	1.25	3.75	0.0	0.0	8.89	
237	060237	NGUYỄN TRẦN NHẬT LINH	Nam	31/05/2009	7.4	6.76	6.45	6.6	6.8	4.00	2.50	4.25	0.0	0.0	9.57	
238	060238	NGUYỄN THU LOAN	Nữ	27/07/2010	8.05	7.9	7.91	8.68	8.14	6.25	4.50	7.25	1.0	0.0	16.04	
239	060239	LÊ GIA LONG	Nam	01/03/2010	7.98	8.86	8.04	7.38	8.07	4.75	4.75	4.25	0.0	0.0	12.05	
240	060240	NGUYỄN PHI LONG	Nam	27/07/2010	6.6	7.46	7.8	8.33	7.55	4.75	3.75	2.75	0.0	0.0	10.14	
241	060241	PHAN THÁI LONG	Nam	25/01/2010	7.38	7.54	7.41	7.8	7.53	5.50	2.50	4.00	0.0	0.0	10.66	
242	060242	TRẦN HIỀN LONG	Nam	24/03/2010	7.25	7.4	7.06	7.01	7.18	3.25	5.75	3.00	0.0	0.0	10.55	
243	060243	TRẦN PHI LONG	Nam	26/04/2010	8.9	9.39	8.95	9.25	9.12	6.50	7.50	8.00	0.0	0.0	18.14	
244	060244	TRẦN THÀNH LONG	Nam	23/06/2010	8	7.51	6.76	6.7	7.24	6.50	2.50	3.75	0.0	0.0	11.10	
245	060245	BÙI NGUYỄN BẢO LỘC	Nam	02/02/2010	7.93	8.46	7.88	7.9	8.04	6.50	2.50	5.75	0.0	0.0	12.74	
246	060246	NGUYỄN TẤN LỘC	Nam	05/01/2010	6.61	7.75	7.06	6.99	7.1	2.25	1.75	2.50	0.0	0.0	6.68	
247	060247	NGUYỄN TẤN LỘC	Nam	11/12/2009	6.99	6.6	5.71	6.44	6.44	5.25	2.00	2.75	0.0	0.0	8.93	
248	060248	PHẠM TẤN LỘC	Nam	11/01/2010	7.64	8.51	8.3	7.6	8.01	5.00	2.00	2.75	0.0	0.0	9.23	
249	060249	TRẦN MINH LỘC	Nam	11/06/2010	7.43	6.5	5.99	6.83	6.69	4.25	3.50	5.75	0.0	0.0	11.46	
250	060250	NGUYỄN THÀNH LỢI	Nam	13/01/2010	8.71	8.13	7.63	7.89	8.09	7.50	3.75	4.50	0.0	0.0	13.45	
251	060251	NGUYỄN THÀNH LƯƠNG	Nam	23/02/2010	7.26	7.58	7.91	8.6	7.84	6.75	6.00	5.25	0.0	0.0	14.95	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
252	060252	HUỖNH TRÚC LY	Nữ	27/10/2010	7.85	7.41	7.48	7.3	7.51	4.50	3.75	4.25	0.0	0.0	11.00	
253	060253	LÊ THỊ CẨM LY	Nữ	27/02/2010	8.65	8.76	8.98	8.83	8.81	6.25	4.50	5.25	0.0	0.0	13.84	
254	060254	ĐOÀN TUYẾT MAI	Nữ	24/01/2010	7.8	8.45	8.61	8.5	8.34	6.75	4.25	4.25	0.0	0.0	13.18	
255	060255	LÊ THỊ NHƯ MAI	Nữ	06/01/2010	8.83	9.14	8.66	8.91	8.89	7.50	6.50	7.25	0.0	0.0	17.54	
256	060256	NGUYỄN NGỌC MAI	Nữ	20/02/2010	5.66	5.84	5.53	6.04	5.77	3.00	0.00	3.00	0.0	0.0	5.93	Liệt
257	060257	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	Nữ	26/07/2010	9.53	9.58	9.7	9.75	9.64	7.75	7.00	8.50	0.0	0.0	19.17	
258	060258	NGUYỄN THỊ TRÚC MAI	Nữ	15/03/2010	8.34	7.83	7.98	8.36	8.13	6.50	7.50	7.50	0.0	0.0	17.49	
259	060259	LÊ BỘI MẮN	Nữ	29/01/2010	7.49	8.5	8.64	8.41	8.26	7.50	5.00	7.00	0.0	0.0	16.13	
260	060260	NGUYỄN LÊ TRIỆU MẮN	Nữ	14/04/2010	9.71	9.74	9.58	9.49	9.63	8.00	10.00	8.75	0.0	1.0	22.61	
261	060261	NGUYỄN MẮN MẮN	Nữ	06/09/2008	8.1	8.19	7.58	7.6	7.87	5.50	2.50	4.50	0.0	0.0	11.11	
262	060262	NGUYỄN LƯƠNG THẾ MI	Nữ	08/04/2010	9.13	8.91	8.95	9.03	9.01	7.50	6.00	6.00	0.0	0.0	16.35	
263	060263	DƯƠNG MIA	Nữ	06/05/2010	9.05	9.2	9.01	9.08	9.09	6.00	6.00	9.75	0.0	0.5	18.45	
264	060264	DƯ HÓN MINH	Nam	16/11/2010	6.48	6.26	6.06	6.76	6.39	5.75	0.50	3.25	0.0	0.0	8.57	Liệt
265	060265	ĐOÀN CÔNG MINH	Nam	08/08/2010	5.66	6.68	6.54	6.35	6.31	3.25	Vắng	Vắng	0.0	0.0	4.17	Liệt
266	060266	HỒ TRIỆU MINH	Nam	29/04/2010	7.2	7.43	7.24	6.98	7.21	4.75	4.50	2.25	0.0	0.0	10.21	
267	060267	HUỖNH CÔNG MINH	Nam	03/01/2010	9.24	9.38	8.88	9.35	9.21	6.00	8.25	9.00	0.0	0.0	19.04	
268	060268	NGUYỄN HỮU MINH	Nam	21/08/2010	6.11	7.54	7.74	7.75	7.29	4.50	3.75	4.25	0.0	0.0	10.94	
269	060269	PHAN HOÀNG MINH	Nam	21/05/2010	8.78	9.09	9.06	9.23	9.04	6.25	7.75	8.00	0.0	0.0	18.11	
270	060270	TRẦN HOÀNG KHẢI MINH	Nam	04/04/2010	6.13	6.51	6.19	5.94	6.19	3.25	0.25	2.00	0.0	0.0	5.71	Liệt
271	060271	VƯƠNG TUỆ MINH	Nữ	28/12/2010	9.18	9.26	9.3	9.58	9.33	6.00	6.25	8.75	0.0	0.0	17.50	
272	060272	ĐẶNG HUYỀN MY	Nữ	18/01/2010	9.04	9.3	9.2	9.39	9.23	7.25	6.25	6.00	0.0	0.0	16.42	
273	060273	ĐỖ NGUYỄN ĐIỂM MY	Nữ	02/04/2010	7.85	8.06	7.7	7.81	7.86	5.50	3.00	5.00	0.0	0.0	11.81	
274	060274	LÊ THỊ TRÀ MY	Nữ	28/10/2010	6.91	7.36	7.3	7.68	7.31	3.50	1.00	3.00	0.0	0.0	7.44	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
275	060275	NGUYỄN ĐỖ TRÀ MY	Nữ	14/07/2010	7.29	7.53	7.95	8.08	7.71	4.00	4.00	3.25	0.0	0.0	10.19	
276	060276	NGUYỄN HÀ MY	Nữ	23/04/2010	9.45	9.81	9.71	9.76	9.68	8.00	9.00	9.50	0.0	0.0	21.45	
277	060277	NGUYỄN TRẦN DIỄM MY	Nữ	23/05/2010	5.83	6.44	6.64	7.18	6.52	6.50	1.75	3.25	0.0	0.0	10.01	
278	060278	PHẠM HUỠNH TRÀ MY	Nữ	23/09/2009	6.83	7.46	7.91	8.08	7.57	3.75	2.00	3.50	0.0	0.0	8.75	
279	060279	NGÔ HOÀNG NAM	Nam	15/11/2010	6.14	7.04	6.88	6.58	6.66	6.00	1.25	4.00	0.0	0.0	9.87	
280	060280	NGUYỄN BẢO NAM	Nam	05/05/2010	6.3	7.71	7.38	7.01	7.1	4.75	3.25	2.50	0.0	0.0	9.48	
281	060281	NGUYỄN HOÀNG NAM	Nam	26/03/2010	6.33	6.26	6.34	6.39	6.33	1.50	0.00	3.50	0.0	0.0	5.40	Liệt
282	060282	NGUYỄN THÁI NAM	Nam	04/01/2010	7.38	7.55	7.71	8.28	7.73	4.00	1.25	6.00	0.0	0.0	10.19	
283	060283	PHAN VÕ HOÀI NAM	Nam	04/05/2010	8.59	8.29	7.78	8.28	8.24	5.25	5.00	6.25	0.0	0.0	14.02	
284	060284	PHẠM VIỆT BẢO NAM	Nam	05/10/2010	7.35	6.78	6.58	6.98	6.92	4.75	2.25	5.00	0.0	0.0	10.48	
285	060285	PHẠM THỊ HẰNG NGA	Nữ	26/06/2010	8.14	7.91	8.56	9.49	8.53	6.50	6.25	8.25	0.0	0.0	17.26	
286	060286	ĐẶNG NGỌC KIM NGÂN	Nữ	25/08/2010	7.88	8.23	7.78	7.89	7.95	5.75	2.75	9.00	0.0	0.0	14.64	
287	060287	ĐẶNG TỔ NGÂN	Nữ	01/05/2010	7.86	8.04	7.74	8.03	7.92	6.00	2.25	4.50	0.0	0.0	11.30	
288	060288	ĐỖ THỊ TUYẾT NGÂN	Nữ	06/07/2010	6.3	6.55	7.76	8.09	7.18	3.25	1.25	6.75	0.0	0.0	10.03	
289	060289	HUỠNH THỊ BÍCH NGÂN	Nữ	13/12/2010	6.79	7.19	7.13	7.19	7.08	4.50	2.50	2.25	0.0	0.0	8.60	
290	060290	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Nữ	11/11/2010	7.63	6.86	7.79	8.03	7.58	3.25	1.00	5.75	0.0	0.0	9.27	
291	060291	PHAN THANH NGÂN	Nữ	14/04/2010	9.31	9.6	9.51	9.56	9.5	7.50	5.00	8.00	0.0	0.0	17.20	
292	060292	TRẦN KIM NGÂN	Nữ	13/12/2009	7.19	6.63	6.89	6.93	6.91	3.75	0.50	2.25	0.0	0.0	6.62	Liệt
293	060293	TRƯƠNG TRẦN KIM NGÂN	Nữ	17/05/2010	6.74	8.43	8.08	7.85	7.78	4.50	3.75	7.00	0.0	0.0	13.01	
294	060294	VÕ KIM NGÂN	Nữ	16/01/2010	7.35	6.56	6.15	6.81	6.72	6.25	2.25	3.50	0.0	0.0	10.42	
295	060295	VÕ PHẠM HOÀI NGÂN	Nữ	10/03/2010	7.6	7.38	6.53	7.19	7.18	6.50	2.50	3.50	0.0	0.0	10.90	
296	060296	VÕ THỊ THU NGÂN	Nữ	12/06/2010	9.1	9.25	9.33	9.66	9.34	6.50	6.25	7.25	0.0	0.0	16.80	
297	060297	HUỠNH THỊ MỘNG NGHI	Nữ	08/05/2010	7.43	7.2	7.54	7.45	7.41	4.50	2.25	1.75	0.0	0.0	8.17	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG CỎI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
298	060298	NGUYỄN BẢO NGHI	Nữ	28/01/2010	9.14	8.98	8.09	8.95	8.79	6.00	6.50	6.75	0.0	0.0	16.11	
299	060299	TRẦN PHƯƠNG NGHI	Nữ	02/11/2010	9.54	9.35	9.2	9.09	9.3	7.25	6.50	7.25	0.0	0.0	17.49	
300	060300	LÝ TRỌNG NGHĨA	Nam	27/07/2010	8.88	8.91	9.05	8.68	8.88	6.25	3.50	6.00	0.0	0.0	13.69	
301	060301	NGUYỄN THÀNH NGHĨA	Nam	25/01/2010	6.9	7.16	6.96	6.91	6.98	6.00	3.50	3.00	0.0	0.0	10.84	
302	060302	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	Nam	04/04/2010	6.08	6.71	6.99	6.88	6.67	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.00	Liệt
303	060303	DƯƠNG BẢO NGỌC	Nữ	23/10/2010	9.04	7.69	6.46	7.86	7.76	5.75	4.25	5.00	0.0	0.0	12.83	
304	060304	HỒ BÍCH NGỌC	Nữ	12/09/2010	8.45	8.46	8.3	8.69	8.48	7.50	7.25	5.75	0.0	0.0	16.89	
305	060305	LA BẢO NGỌC	Nữ	28/12/2010	8.29	8.48	8.54	8.2	8.38	6.00	6.25	5.00	0.0	0.0	14.59	
306	060306	LÂM BẢO NGỌC	Nữ	11/11/2010	7.84	8.78	7.93	8.28	8.21	6.25	4.00	6.75	1.0	0.0	15.36	
307	060307	LÂM TUYẾT NGỌC	Nữ	27/11/2010	9.23	9.11	9.25	9.51	9.28	7.75	6.00	7.50	0.0	0.0	17.66	
308	060308	MAI NHƯ NGỌC	Nữ	28/09/2010	6.59	7.58	7.06	7.46	7.17	5.50	2.50	2.75	0.0	0.0	9.68	
309	060309	MAI PHAN KHÁNH NGỌC	Nữ	14/03/2010	6.29	6.76	6.11	6	6.29	4.50	1.00	3.75	0.0	0.0	8.36	
310	060310	NGUYỄN THANH NGỌC	Nữ	08/02/2010	8.6	8.66	8.66	8.73	8.66	6.25	5.25	3.25	0.0	0.0	12.92	
311	060311	NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC	Nữ	08/06/2010	9.15	9	8.98	9.34	9.12	7.75	6.50	6.75	0.0	0.0	17.44	
312	060312	PHẠM BẢO NGỌC	Nữ	25/10/2010	7.81	7.84	8.31	9.15	8.28	7.25	7.50	4.75	0.0	0.0	16.13	
313	060313	VÕ QUỲNH BẢO NGỌC	Nữ	29/03/2010	7.18	7.81	7.31	7.31	7.4	6.00	1.50	4.50	0.0	0.0	10.62	
314	060314	ĐẶNG GIÁC NGUYỄN	Nam	30/03/2010	7.01	7.29	7.29	5.86	6.86	1.50	1.00	3.25	0.0	0.0	6.08	
315	060315	ĐỖ NHẬT NGUYỄN	Nam	03/12/2010	5.78	6.86	6.89	7.39	6.73	7.25	2.75	3.50	0.0	0.0	11.47	
316	060316	NGUYỄN PHÚ NGUYỄN	Nam	11/02/2010	7.89	8.15	7.59	8.25	7.97	6.00	2.50	5.25	0.0	0.0	12.02	
317	060317	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	Nữ	02/01/2010	8.18	8.3	8.13	8.19	8.2	5.50	5.00	4.00	0.0	0.0	12.61	
318	060318	TRẦN THẢO NGUYỄN	Nữ	06/11/2010	6.69	7.29	7.11	7.94	7.26	6.00	3.50	4.75	0.0	0.0	12.15	
319	060319	VƯƠNG KHÔI NGUYỄN	Nam	08/09/2010	7.7	7.51	7.58	8.5	7.82	5.50	4.25	4.50	0.0	0.0	12.32	
320	060320	LÊ NGUYỄN	Nam	10/01/2010	8.6	8.93	8.59	8.71	8.71	7.25	7.25	8.00	0.0	0.0	18.36	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
321	060321	TRẦN TRỌNG NGUYỄN	Nam	13/07/2010	9.26	9.38	9.26	9.43	9.33	8.25	7.25	8.75	0.0	0.0	19.77	
322	060322	NGUYỄN THỊ PHONG NHÃ	Nữ	20/08/2010	8.49	8.55	8.75	8.78	8.64	7.00	7.25	7.25	0.0	0.0	17.64	
323	060323	NGUYỄN THANH NHÃ	Nữ	24/08/2010	7.4	7.51	7.34	8.49	7.69	6.75	8.00	4.25	0.0	0.0	15.61	
324	060324	HỒ THIỆN NHÂN	Nam	29/11/2010	5.89	7.19	7.68	8.1	7.22	6.75	2.75	4.00	0.0	0.0	11.62	
325	060325	NGUYỄN THANH NHÂN	Nam	24/04/2010	6.84	7.73	8.55	7.83	7.74	6.50	3.00	4.75	0.0	0.0	12.30	
326	060326	NGUYỄN THÀNH NHÂN	Nam	16/10/2010	9.23	9.23	8.5	9.03	9	7.00	7.50	9.00	0.0	0.0	19.15	
327	060327	PHẠM THIỆN NHÂN	Nam	14/05/2010	7.4	8.28	8.54	7.64	7.97	6.00	4.00	4.25	0.0	0.0	12.37	
328	060328	LÊ MINH NHẬT	Nam	30/08/2010	7.81	7.18	7.06	7.5	7.39	5.00	3.75	8.50	0.0	0.0	14.29	
329	060329	DƯ BĂNG NHI	Nữ	07/06/2010	8.89	8.54	8.34	8.69	8.62	5.50	4.00	5.25	0.0	0.0	12.91	
330	060330	ĐỖ THỊ PHƯƠNG NHI	Nữ	30/01/2010	9.23	9.34	8.98	8.7	9.06	7.75	8.50	8.00	0.0	0.0	19.69	
331	060331	MAI NGUYỄN NHI	Nữ	02/05/2010	6.34	7.34	7.76	6.83	7.07	1.50	0.00	3.25	0.0	0.0	5.45	Liệt
332	060332	MAI THỊ UYÊN NHI	Nữ	11/08/2010	7.19	7.68	8.29	8.31	7.87	3.50	1.75	3.25	0.0	0.0	8.31	
333	060333	NGUYỄN PHẠM THANH NHI	Nữ	28/08/2010	8.66	8.85	9.35	8.95	8.95	7.00	7.50	6.50	0.0	0.0	17.39	
334	060334	NGUYỄN THẢO NHI	Nữ	12/11/2010	6.43	7.56	7.15	7.7	7.21	7.50	2.00	4.00	0.0	0.0	11.61	
335	060335	NGUYỄN THỊ YÊN NHI	Nữ	25/02/2010	7.76	7.44	7.16	7.89	7.56	6.75	2.50	4.00	0.0	0.0	11.54	
336	060336	LÊ THỊ NHUNG	Nữ	04/11/2010	6.49	6.85	7.01	7.34	6.92	6.50	2.50	3.25	0.0	0.0	10.65	
337	060337	NGUYỄN NGỌC CẨM NHUNG	Nữ	14/02/2010	9.19	9.33	9.04	9.15	9.18	6.00	5.25	6.75	0.0	0.0	15.35	
338	060338	PHẠM KIM NHUNG	Nữ	08/08/2010	7.26	8.38	8.46	7.99	8.02	6.75	3.75	4.25	0.0	0.0	12.73	
339	060339	ĐỖ NGUYỄN HUỶNH NHƯ	Nữ	26/11/2010	8.31	8.56	8.34	7.98	8.3	6.25	4.00	3.50	0.0	0.0	12.12	
340	060340	ĐỖ THỊ HUỶNH NHƯ	Nữ	19/11/2010	7.53	7.81	7.54	7.59	7.62	6.50	1.50	3.00	0.0	0.0	9.99	
341	060341	HÀ NGỌC YẾN NHƯ	Nữ	10/03/2010	8.99	9.09	9.29	9.58	9.24	7.75	7.75	8.25	0.0	0.0	19.40	
342	060342	LÊ NGUYỄN NGỌC NHƯ	Nữ	21/01/2010	8.45	8.3	7.6	7.9	8.06	5.50	3.75	5.75	0.0	0.0	12.92	
343	060343	NGÔ TÂM NHƯ	Nữ	21/05/2010	8.68	8.5	8.51	8.45	8.54	7.25	6.00	6.75	0.0	0.0	16.56	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
344	060344	NGUYỄN BẢO NHƯ	Nữ	02/08/2010	7.83	8.41	7.38	8.64	8.07	7.00	6.00	5.00	0.0	0.0	15.02	
345	060345	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	Nữ	01/04/2010	9.46	9.48	9.26	9.64	9.46	7.50	6.25	8.00	0.0	0.0	18.06	
346	060346	NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ	Nữ	21/06/2010	9.2	9.16	9.29	9.39	9.26	8.25	5.00	8.75	0.0	0.0	18.18	
347	060347	NGUYỄN THỊ KHÁNH NHƯ	Nữ	03/10/2010	7.36	8	7.33	6.89	7.4	4.25	1.00	4.00	0.0	0.0	8.70	
348	060348	NGUYỄN THỊ NGỌC NHƯ	Nữ	12/01/2010	7.56	8.65	8.34	8.31	8.22	6.75	6.00	4.25	0.0	0.0	14.37	
349	060349	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	Nữ	19/01/2010	7.56	7.93	8.28	7.83	7.9	6.50	2.50	3.25	0.0	0.0	10.95	
350	060350	NGUYỄN THỊ THANH NHƯ	Nữ	01/03/2010	8.06	8.31	6.79	7.6	7.69	6.25	2.50	3.00	0.0	0.0	10.53	
351	060351	TRÀ THANH NHƯ	Nữ	29/12/2010	8.45	7.68	8.03	8.39	8.14	4.00	3.50	8.25	0.0	0.0	13.47	
352	060352	VÕ TRUNG NHỰT	Nam	17/01/2010	5.3	6.09	5.76	5.86	5.75	3.50	0.25	2.50	0.0	0.0	6.10	Liệt
353	060353	PHẠM BÙI NGỌC OANH	Nữ	05/10/2010	8.61	8.69	8.5	8.6	8.6	7.75	3.00	6.00	0.0	0.0	14.31	
354	060354	BÙI TÂN PHÁT	Nam	30/03/2010	5.7	6.81	7.2	7.08	6.7	3.25	2.25	3.75	0.0	0.0	8.49	
355	060355	ĐẶNG TÂN TIỀN PHÁT	Nam	11/10/2010	6.46	7.25	7.28	6.26	6.81	4.00	2.00	4.50	0.0	0.0	9.39	
356	060356	LÊ NGUYỄN THÀNH PHÁT	Nam	27/10/2010	5.35	6.84	6.83	6.21	6.31	4.00	2.50	3.50	0.0	0.0	8.89	
357	060357	MAI HỮU PHÁT	Nam	29/11/2010	7.28	7.29	7.3	8	7.47	5.25	3.50	4.25	0.0	0.0	11.34	
358	060358	NGUYỄN PHÁT	Nam	26/05/2010	7.19	7.31	7.91	7.21	7.41	4.25	4.25	1.75	0.0	0.0	9.40	
359	060359	NGUYỄN MINH PHÁT	Nam	07/10/2010	6.56	6.64	6.58	6.5	6.57	5.58	2.50	1.50	0.0	0.0	8.68	
360	060360	NGUYỄN THÀNH PHÁT	Nam	16/11/2010	6.7	6.74	6.05	7.36	6.71	4.75	4.50	3.75	0.0	0.0	11.11	
361	060361	NGUYỄN THUẬN PHÁT	Nam	01/07/2010	7.78	7.01	6.58	6.98	7.09	6.00	3.50	4.00	0.0	0.0	11.58	
362	060362	NGUYỄN TIỀN PHÁT	Nam	06/08/2010	8.3	8.04	8.08	8.5	8.23	6.50	5.75	7.25	0.0	0.0	16.12	
363	060363	NGUYỄN VĂN TÂN PHÁT	Nam	09/05/2010	7.94	8.21	8.16	8.85	8.29	5.50	5.00	6.00	0.0	0.0	14.04	
364	060364	TRỊNH TIỀN PHÁT	Nam	08/06/2010	7.94	9	8.35	8.69	8.5	5.75	8.00	9.25	0.0	0.0	18.65	
365	060365	NGUYỄN HỒNG PHI	Nam	06/02/2010	6.24	7.08	7.2	7.53	7.01	5.00	1.25	3.75	0.0	0.0	9.10	
366	060366	NGUYỄN THANH PHI	Nam	18/10/2009	5.7	6.91	7.44	6.29	6.59	2.75	3.75	2.50	0.0	0.0	8.28	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
367	060367	NGUYỄN THỊ YẾN PHI	Nữ	31/01/2010	7.86	8.53	8.63	7.96	8.25	6.00	4.00	2.50	0.0	0.0	11.23	
368	060368	TRẦN QUỐC PHONG	Nam	09/02/2010	8.69	8.31	8.54	8.19	8.43	6.50	4.25	4.25	0.0	0.0	13.03	
369	060369	TRẦN VŨ PHONG	Nam	02/05/2010	7.9	8.45	7.78	8.45	8.15	6.25	4.75	6.25	0.0	0.0	14.52	
370	060370	HUỲNH DUY PHÚ	Nam	25/02/2010	5.96	6.05	5.56	6.41	6	3.75	1.25	3.25	0.0	0.0	7.58	
371	060371	ĐỖ NGUYỄN HOÀI PHÚC	Nam	27/11/2010	8.2	8.14	7.9	7.54	7.95	5.75	3.25	2.50	0.0	0.0	10.44	
372	060372	HUỲNH THỊ KIM PHÚC	Nữ	17/09/2010	8.5	9.03	8.76	8.81	8.78	7.50	5.50	4.75	0.0	0.0	15.06	
373	060373	LÊ PHAN PHƯƠNG PHÚC	Nam	04/10/2010	7.05	6.95	6.8	6.26	6.77	3.75	0.25	5.25	0.0	0.0	8.51	Liệt
374	060374	LÊ TRỌNG PHÚC	Nam	06/02/2009	7.1	7.28	6.48	7.69	7.14	5.25	4.50	7.25	0.0	0.0	14.04	
375	060375	NGUYỄN GIA PHÚC	Nam	05/05/2010	8.6	8.49	8.66	8.81	8.64	6.25	6.75	5.75	0.0	0.0	15.72	
376	060376	NGUYỄN THÀNH PHÚC	Nam	01/01/2010	8.68	8.18	8.11	7.68	8.16	6.75	5.25	4.25	0.0	0.0	13.82	
377	060377	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	Nam	03/11/2010	9.38	8.99	8.36	8.79	8.88	6.83	4.50	4.50	0.0	0.0	13.75	
378	060378	PHAN AN PHÚC	Nam	07/01/2010	8.08	7.16	7.15	7.66	7.51	6.25	4.50	4.75	0.0	0.0	13.10	
379	060379	TRẦN HOÀNG PHÚC	Nam	16/06/2010	7.1	6.55	6.69	5.89	6.56	4.00	2.25	5.75	0.0	0.0	10.37	
380	060380	CAO HUỲNH KIM PHỤNG	Nữ	09/06/2010	8.26	8.83	7.45	7.85	8.1	6.25	2.25	5.75	0.0	0.0	12.41	
381	060381	ĐỖ HÀ Y PHỤNG	Nữ	23/08/2010	8.24	8.55	8.75	8.4	8.49	7.00	7.25	8.00	0.0	0.0	18.12	
382	060382	NGUYỄN NHƯ PHỤNG	Nữ	20/09/2010	7.75	7.99	8.3	7.69	7.93	5.75	3.00	3.25	0.0	0.0	10.78	
383	060383	TRẦN KIM PHỤNG	Nữ	02/06/2010	8.49	8.78	8.44	8.34	8.51	6.08	3.75	3.00	0.0	0.0	11.53	
384	060384	HỒ HỘI PHƯƠNG	Nam	12/08/2010	9.28	8.83	8.74	8.6	8.86	5.75	5.25	5.50	0.0	0.0	14.21	
385	060385	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	Nữ	16/09/2010	8.6	8.21	8.49	7.46	8.19	6.50	3.50	4.00	0.0	0.0	12.26	
386	060386	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	Nữ	30/04/2010	7.53	7.95	7.6	8.28	7.84	6.75	4.50	5.00	0.0	0.0	13.73	
387	060387	PHAN THẢO MAI PHƯƠNG	Nữ	29/04/2010	8.68	8.63	8.63	8.98	8.73	6.50	5.00	6.75	0.0	0.0	15.39	
388	060388	PHẠM HUỲNH MAI PHƯƠNG	Nữ	18/07/2010	8.63	8.51	8.26	7.61	8.25	4.75	5.25	7.25	0.0	0.0	14.55	
389	060389	PHẠM THANH PHƯƠNG	Nam	29/10/2010	8.19	7.99	7.23	8	7.85	5.75	2.75	3.75	0.0	0.0	10.93	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG CỎI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
390	060390	TẠ KHÁNH PHƯƠNG	Nữ	20/03/2010	9.31	9.5	8.9	8.96	9.17	7.50	4.50	5.75	0.0	0.0	15.18	
391	060391	HUỲNH NGỌC PHƯỢNG	Nữ	28/10/2010	7.2	7.43	6.89	6.74	7.07	4.25	2.25	3.75	0.0	0.0	9.30	
392	060392	TRƯƠNG THỊ ÁI PHƯỢNG	Nữ	29/07/2010	7.35	7.56	7.19	8.08	7.55	5.75	4.50	2.75	0.0	0.0	11.37	
393	060393	ĐOÀN ĐẠI QUANG	Nam	29/03/2010	8.35	7.88	8.74	8.3	8.32	6.50	5.50	4.50	0.0	0.0	14.05	
394	060394	DƯƠNG TRẦN QUÂN	Nam	23/10/2010	7.19	7.61	8.2	8.34	7.84	5.75	4.50	7.00	0.0	0.0	14.43	
395	060395	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	Nam	20/12/2010	8.39	8.85	7.63	8.71	8.4	7.00	7.25	7.50	0.0	0.0	17.75	
396	060396	TRẦN TRUNG QUÂN	Nam	02/08/2010	7.85	7.73	7.28	7.76	7.66	6.75	3.50	4.00	0.0	0.0	12.27	
397	060397	PHẠM NGỌC QUÍ	Nam	05/12/2010	5.36	6.29	5.69	5.88	5.81	4.00	1.50	2.50	0.0	0.0	7.34	
398	060398	NGUYỄN LÝ PHƯƠNG QUYÊN	Nữ	09/08/2010	9.05	8.86	9.05	9.2	9.04	8.50	5.75	8.75	0.0	1.0	19.81	
399	060399	ĐOÀN NGỌC QUYÊN	Nam	29/03/2010	8.54	8.05	8.61	8.33	8.38	6.50	7.00	3.50	0.0	0.0	14.41	
400	060400	ĐOÀN NGỌC NHƯ QUỲNH	Nữ	30/04/2010	8.78	8.41	8.39	8.15	8.43	6.75	5.00	5.25	0.0	0.0	14.43	
401	060401	ĐỖ THỊ TRÚC QUỲNH	Nữ	04/09/2010	7.85	8.74	8.71	8.35	8.41	5.75	3.25	3.75	0.0	0.0	11.45	
402	060402	NGUYỄN NGỌC TÚ QUỲNH	Nữ	23/12/2010	7.99	8.15	8.45	8.5	8.27	6.50	1.75	5.00	0.0	0.0	11.76	
403	060403	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	27/01/2010	7.9	7.71	8.19	8.78	8.15	7.25	6.75	7.50	0.0	0.0	17.50	
404	060404	PHẠM ĐẶNG NHƯ QUỲNH	Nữ	24/11/2010	7.7	7.15	6.86	7.19	7.23	5.25	3.75	2.50	0.0	0.0	10.22	
405	060405	TRẦN NHƯ QUỲNH	Nữ	26/05/2010	9.55	9.56	9.68	9.6	9.6	8.50	7.75	9.75	0.0	0.0	21.08	
406	060406	TRẦN THỊ NHỰT QUỲNH	Nữ	25/05/2010	7.09	7.2	6.5	7.28	7.02	5.50	2.50	1.75	0.0	0.0	8.93	
407	060407	NGUYỄN TRẦN PHÚ QUÝ	Nam	14/07/2010	7.21	8.03	7.99	6.88	7.53	6.25	3.75	3.00	0.0	0.0	11.36	
408	060408	LÊ QUÝ	Nam	22/11/2010	5.38	5.59	5.46	6.1	5.63	5.75	2.50	2.25	0.0	0.0	9.04	
409	060409	LÊ HOÀNG NGỌC RỒNG	Nam	18/03/2010	8.69	8.94	9.04	8.34	8.75	4.75	4.00	4.25	0.0	0.0	11.73	
410	060410	NGÔ SANG SANG	Nữ	04/08/2009	8.04	8.28	8.28	8.19	8.2	6.75	2.75	3.50	0.0	0.0	11.56	
411	060411	TRẦN PHÚC SANG	Nữ	16/08/2010	6.5	8.16	6.79	7.33	7.2	7.50	2.50	2.75	0.0	0.0	11.09	
412	060412	TRẦN BẢO SƠN	Nam	06/10/2010	8.03	7.9	7.99	7.11	7.76	6.75	3.50	5.75	0.0	0.0	13.53	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
413	060413	MAI HỮU TÀI	Nam	29/11/2010	7.58	7.95	7.74	7.76	7.76	5.50	3.00	4.50	0.0	0.0	11.43	
414	060414	NGUYỄN TÂN TÀI	Nam	20/05/2010	7.14	7.38	5.98	7.49	7	5.75	1.50	5.00	0.0	0.0	10.68	
415	060415	NGUYỄN VÕ CHÍ TÀI	Nam	17/11/2010	5.49	6.31	5.4	6.74	5.99	6.75	2.50	3.00	0.0	0.0	10.37	
416	060416	TRẦN THANH TÀI	Nam	28/08/2010	5.4	6.18	5.46	6.29	5.83	2.75	0.00	2.00	0.0	0.0	5.07	Liệt
417	060417	CHU TUỆ TÂM	Nữ	11/05/2010	8.75	8.4	8.36	9.11	8.66	5.75	5.00	5.25	0.0	0.0	13.80	
418	060418	NGUYỄN NGỌC KIM TÂM	Nữ	10/01/2010	7.51	7.74	6.64	6.38	7.07	5.75	3.00	3.50	0.0	0.0	10.70	
419	060419	TRẦN PHAN MINH TÂM	Nam	21/01/2010	9.15	9.24	8.99	9.28	9.17	8.25	6.25	8.25	0.0	0.0	18.68	
420	060420	TRƯƠNG QUANG TÂM	Nam	10/03/2010	6.9	7.33	7.53	8.24	7.5	5.75	4.75	6.25	0.0	0.0	13.98	
421	060421	ĐÀM NHẬT TÂN	Nam	23/05/2010	5.84	6.49	7.2	7.19	6.68	3.75	2.75	5.00	0.0	0.0	10.05	
422	060422	LÊ ĐẮC TÂN	Nam	09/05/2010	8.75	8.6	8.39	8.93	8.67	7.25	6.50	7.25	0.0	0.0	17.30	
423	060423	HUANG YI THANH	Nữ	31/12/2010	7.64	7.84	8.51	8.31	8.08	4.50	6.50	5.25	0.0	0.0	13.80	
424	060424	NGUYỄN TẤN THANH	Nam	17/04/2010	7.24	6.35	5.98	6.9	6.62	4.50	1.25	3.75	0.0	0.0	8.64	
425	060425	HUỲNH PHÚC THÀNH	Nam	10/05/2010	9.44	9.21	8.76	9.1	9.13	7.00	6.50	8.25	0.0	0.0	17.96	
426	060426	CAO NGỌC THÁI	Nam	05/12/2010	6.35	7.88	6.65	6.78	6.92	5.25	1.00	2.25	0.0	0.0	8.03	
427	060427	HUỲNH QUỐC THÁI	Nam	26/07/2010	5.34	7.06	7.14	6.44	6.5	4.75	0.25	2.00	0.0	0.0	6.85	Liệt
428	060428	TRẦN NGUYỄN HUY THÁI	Nam	06/05/2010	7.31	7.29	6.9	6.63	7.03	3.25	1.50	4.75	0.0	0.0	8.76	
429	060429	ĐOÀN THỊ THU THẢO	Nữ	26/02/2010	8.23	8.29	7.99	7.38	7.97	5.25	1.50	3.25	0.0	0.0	9.39	
430	060430	LÊ THỊ THU THẢO	Nữ	09/07/2010	6.13	5.68	6.13	6.54	6.12	5.00	1.50	2.00	0.0	0.0	7.79	
431	060431	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	27/02/2010	9.09	9.21	9.25	9.35	9.23	8.00	7.00	8.25	0.0	0.0	19.04	
432	060432	TRẦN PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	27/05/2010	8.13	8.25	7.16	7.19	7.68	6.17	2.50	3.00	0.0	0.0	10.47	
433	060433	VÕ THỊ THU THẢO	Nữ	16/10/2010	9.13	8.89	8.39	8.96	8.84	5.25	3.75	5.75	0.0	0.0	12.98	
434	060434	NGUYỄN LÊ BÍCH THI	Nữ	22/05/2010	6.24	7.43	6.06	6.51	6.56	4.00	0.00	3.50	0.0	0.0	7.22	Liệt
435	060435	NGUYỄN THỊ MINH THI	Nữ	04/01/2010	7.21	7.96	8.15	6.89	7.55	3.25	3.75	5.25	0.0	0.0	10.84	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
436	060436	NGUYỄN MINH THIÊN	Nam	22/09/2010	9.11	9.15	9.05	9.21	9.13	6.00	8.50	10.00	0.0	0.5	20.39	
437	060437	NGUYỄN THANH THIÊN	Nam	10/03/2010	7.15	7.13	6.79	6.45	6.88	5.00	5.75	5.75	0.0	0.0	13.61	
438	060438	NGUYỄN PHƯƠNG THIÊN	Nam	06/02/2010	9.71	9.6	9.13	9.33	9.44	5.75	9.00	8.25	0.0	0.0	18.93	
439	060439	ĐẶNG PHÚC THỊNH	Nam	23/11/2010	7.63	6.84	7.13	7.49	7.27	5.00	1.25	5.50	0.0	0.0	10.41	
440	060440	MAI TRƯỜNG THỊNH	Nam	15/12/2010	8.06	8.75	8.76	9.31	8.72	7.00	8.50	7.25	0.0	0.0	18.54	
441	060441	NGUYỄN LÊ PHÚC THỊNH	Nam	14/02/2010	9.2	9.29	9.1	9.01	9.15	7.75	5.25	5.00	0.0	0.5	15.85	
442	060442	NGUYỄN VĂN THỊNH	Nam	04/06/2010	5.46	7.03	7	6.68	6.54	5.75	4.00	4.75	0.0	0.0	12.11	
443	060443	TRẦN HƯƠNG THỊNH	Nam	26/09/2010	6.66	6.91	5.86	6.75	6.55	3.50	6.00	3.00	0.0	0.0	10.72	
444	060444	TRẦN QUỐC THỊNH	Nam	27/10/2010	8.11	7.98	8.55	8.84	8.37	7.00	3.50	8.00	0.0	0.0	15.46	
445	060445	ĐẶNG THI KIM THO	Nữ	20/01/2008	5.5	7.18	7	6.94	6.66	4.50	2.50	2.50	0.0	0.0	8.65	
446	060446	PHAN THỊ KIM THOÀ	Nữ	30/04/2010	6.61	7.45	7.64	7.5	7.3	6.50	1.50	3.25	0.0	0.0	10.07	
447	060447	HUỖNH PHƯỚC THỌ	Nam	12/06/2010	8.04	7.55	6.85	7.45	7.47	5.50	3.50	5.00	0.0	0.0	12.04	
448	060448	NGUYỄN ĐIỀN THỌ	Nam	29/05/2010	7.75	7.78	8.48	8.55	8.14	6.00	5.50	5.50	0.0	0.0	14.34	
449	060449	PHẠM ANH THƠ	Nữ	20/03/2010	6.71	7.78	7.88	6.74	7.28	3.75	1.25	3.50	0.0	0.0	8.13	
450	060450	VÕ THỊ NGỌC THƠ	Nữ	02/07/2010	9.34	9	9.38	9.61	9.33	7.75	6.25	8.50	0.0	0.0	18.55	
451	060451	NGUYỄN GIA THUẬN	Nam	10/04/2010	6.08	6.44	7.48	8.08	7.02	5.00	3.50	7.00	0.0	0.0	12.96	
452	060452	PHẠM MINH THUẬN	Nam	27/04/2010	6.31	7.33	7.86	7.78	7.32	5.75	4.50	5.50	0.0	1.0	14.22	
453	060453	TRẦN MINH THUẬN	Nam	01/06/2009	6.61	7.2	7.31	6.35	6.87	2.25	0.25	2.00	0.0	0.0	5.21	Liệt
454	060454	BÙI NGỌC PHƯƠNG THÙY	Nữ	17/04/2010	8.54	8.76	8.44	8.14	8.47	5.25	1.50	4.50	0.0	0.0	10.42	
455	060455	ĐIỀN NGỌC PHƯƠNG THÙY	Nữ	23/03/2010	7.13	8.3	7.85	7.7	7.75	5.00	2.50	2.00	0.0	0.0	8.98	
456	060456	HÀ LÊ PHƯƠNG THÙY	Nữ	10/10/2010	8.54	8.61	8.71	8.45	8.58	6.00	4.25	4.75	0.0	0.0	13.07	
457	060457	LÊ PHƯƠNG THÙY	Nữ	16/07/2010	8.11	7.98	7.28	7.1	7.62	1.25	1.50	3.50	0.0	0.0	6.66	
458	060458	PHẠM NGỌC THÚY	Nữ	28/09/2010	8.13	8.38	8.55	8.19	8.31	5.75	3.50	6.25	0.0	0.0	13.34	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
459	060459	ĐẶNG HỒ ANH THƯ	Nữ	24/06/2010	8.51	9.16	8.53	8.94	8.79	6.33	5.75	7.25	1.0	0.0	17.17	
460	060460	ĐỖ NGUYỄN MINH THƯ	Nữ	01/10/2009	7.4	7.3	6.75	6.79	7.06	4.25	3.50	5.25	0.0	0.0	11.22	
461	060461	HÀ VÕ ANH THƯ	Nữ	06/08/2010	8.83	8.81	9.13	8.98	8.94	5.75	4.25	6.75	0.0	0.0	14.41	
462	060462	HOÀNG THỊ MINH THƯ	Nữ	16/03/2010	8.63	8.59	9.13	8.94	8.82	7.00	5.50	3.25	0.0	0.0	13.67	
463	060463	LÊ KIM THƯ	Nữ	18/03/2010	9.64	9.48	9.73	9.71	9.64	7.75	9.00	9.00	0.0	0.0	20.92	
464	060464	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	30/03/2009	6.16	7.8	7.28	7.3	7.14	6.50	2.50	3.00	0.0	0.0	10.54	
465	060465	PHẠM ANH THƯ	Nữ	04/11/2010	8.11	8.65	8.29	7.98	8.26	5.75	2.50	3.00	0.0	0.0	10.35	
466	060466	PHẠM NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	10/05/2010	6.58	6.43	5.63	6.45	6.27	5.00	1.50	3.50	0.0	0.0	8.88	
467	060467	TRẦN HUỖNH THANH THƯ	Nữ	13/01/2010	8.78	9.05	7.8	7.91	8.39	5.50	2.50	3.50	0.0	0.0	10.57	
468	060468	VÕ HUỖNH ANH THƯ	Nữ	18/04/2010	7.63	8.19	7.9	7.95	7.92	4.75	3.00	4.00	0.0	0.0	10.60	
469	060469	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	28/12/2010	9.61	9.36	8.98	8.64	9.15	7.75	4.75	4.00	0.0	1.0	15.30	
470	060470	TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG	Nữ	10/04/2010	8.38	9.23	8.71	8.7	8.76	8.00	5.50	4.75	0.0	0.0	15.40	
471	060471	VŨ DƯƠNG HOÀI THƯƠNG	Nữ	07/08/2010	8.8	8.06	7.83	7.6	8.07	5.00	4.25	3.50	0.0	0.0	11.35	
472	060472	HỒ BẢO THY	Nữ	17/11/2010	8.64	8.91	8.6	8.68	8.71	7.00	7.25	4.25	0.0	0.0	15.56	
473	060473	NGUYỄN HỒNG THY	Nữ	04/09/2010	8.94	9.15	9.11	9.3	9.13	7.00	4.75	8.00	0.0	0.0	16.56	
474	060474	NGUYỄN LÂM BẢO THY	Nữ	15/07/2010	9.48	9.14	8.71	9.11	9.11	7.50	5.25	7.00	0.0	0.0	16.56	
475	060475	PHẠM NGỌC BẢO THY	Nữ	15/09/2010	9.44	9.38	9.38	9.45	9.41	7.25	5.75	7.75	0.0	0.0	17.35	
476	060476	VÕ NGÔ TRƯỜNG THY	Nữ	03/12/2010	8.21	8.31	8.36	8.19	8.27	6.50	5.00	6.25	0.0	0.0	14.91	
477	060477	HUỖNH GIA CÁT TIỀN	Nữ	31/08/2010	9.75	9.86	9.76	9.75	9.78	7.25	9.00	9.25	1.0	0.0	21.78	
478	060478	MAI THỊ THỦY TIỀN	Nữ	25/01/2010	8.56	8.93	8.3	8.05	8.46	5.00	2.25	3.75	0.0	0.0	10.24	
479	060479	NGUYỄN LÊ MỸ TIỀN	Nữ	20/09/2009	8.75	8.4	8.36	7.48	8.25	6.00	4.00	5.50	0.0	0.0	13.33	
480	060480	NGUYỄN THỊ THỦY TIỀN	Nữ	25/09/2010	7.83	8.24	7.43	7.83	7.83	5.50	3.00	4.00	0.0	0.0	11.10	
481	060481	VÕ THỊ CẨM TIỀN	Nữ	01/11/2010	6.95	6.68	7.71	7.21	7.14	6.50	2.75	2.50	0.0	0.0	10.37	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
482	060482	ĐẶNG THỊ NGỌC TIỀN	Nữ	09/08/2010	9.13	9.5	9.43	9.4	9.37	8.25	7.25	8.00	0.0	0.0	19.26	
483	060483	LÊ THỊ NGỌC TIỀN	Nữ	27/12/2010	7.9	7.71	7.05	7.35	7.5	5.00	2.50	3.25	0.0	0.0	9.78	
484	060484	TẠ HỮU TIỀN	Nam	05/02/2010	8.8	8.64	8.65	8.29	8.6	6.50	5.75	6.50	0.0	0.0	15.71	
485	060485	TRẦN QUỐC TIẾN	Nam	18/10/2010	8.16	8.25	8.35	9.11	8.47	7.75	7.25	7.50	0.0	0.0	18.29	
486	060486	VÕ TẤN TIẾN	Nam	23/06/2010	8.01	8.51	8.65	9.19	8.59	7.00	7.00	7.50	0.0	0.0	17.63	
487	060487	TRẦN LÊ TRUNG TÍNH	Nam	20/09/2010	5.01	5.96	5.89	5.74	5.65	1.25	0.50	3.25	0.0	0.0	5.20	Liệt
488	060488	DƯƠNG HIẾU TOÀN	Nam	28/11/2010	9.25	9.08	8.78	9.48	9.15	7.00	8.00	8.75	0.0	0.0	19.37	
489	060489	NGUYỄN QUỐC TOÀN	Nam	05/04/2010	6.63	7.91	7.1	7.55	7.3	6.25	6.00	4.75	0.0	0.0	14.09	
490	060490	PHAN ĐÌNH TOÀN	Nam	09/09/2010	6.56	6.11	5.45	5.69	5.95	1.25	1.25	3.75	0.0	0.0	6.16	
491	060491	TRẦN PHÚC TOÀN	Nam	11/04/2010	7.54	7.24	6.83	6.64	7.06	5.75	2.00	3.25	0.0	0.0	9.82	
492	060492	VƯƠNG MINH TOÀN	Nam	25/02/2010	7.49	7.69	7.6	7.9	7.67	4.75	0.75	4.50	0.0	0.0	9.30	Liệt
493	060493	NGUYỄN THỊ YẾN TRANG	Nữ	09/09/2009	6.25	6.99	6.39	6.86	6.62	4.00	2.00	1.50	0.0	0.0	7.24	
494	060494	PHẠM HUYỀN TRANG	Nữ	04/05/2010	7.81	8.45	8.54	8.63	8.36	7.25	4.50	6.00	0.0	0.0	14.93	
495	060495	THÁI THỊ NGỌC TRÀ	Nữ	20/04/2010	6.81	7.28	7.68	8.5	7.57	5.00	2.25	4.25	0.0	0.0	10.32	
496	060496	HUỲNH THỊ KIỀU TRÂM	Nữ	10/09/2010	8.56	8.48	8.08	7.35	8.12	5.75	4.25	3.75	0.0	0.0	12.06	
497	060497	LÊ NGỌC TRÂM	Nữ	20/09/2010	8.81	8.6	8.84	8.48	8.68	6.75	5.50	6.00	0.0	0.0	15.38	
498	060498	LÊ THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	21/09/2010	5.68	5.83	6.1	6.13	5.94	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	1.78	Liệt
499	060499	LÊ THỊ NGỌC TRÂM	Nữ	24/09/2010	8.05	7.58	8.19	7.81	7.91	4.50	2.75	5.50	0.0	0.0	11.30	
500	060500	NGUYỄN QUỲNH TRÂM	Nữ	22/04/2010	7.53	7.91	7.55	7.89	7.72	5.50	2.75	3.25	0.0	0.0	10.37	
501	060501	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	04/07/2010	9.09	9.03	9.35	9.36	9.21	7.25	5.25	9.25	0.0	0.0	17.99	
502	060502	BÙI THỊ HUYỀN TRÂN	Nữ	10/04/2010	7.28	8.26	8.34	8.86	8.19	5.50	4.75	4.50	0.0	0.0	12.78	
503	060503	HÀ NGUYỄN BẢO TRÂN	Nữ	10/11/2010	7.05	7.83	7.29	7.59	7.44	6.50	4.25	3.00	0.0	0.0	11.86	
504	060504	HỒ NGỌC TRÂN	Nữ	11/09/2010	8.6	8.11	8.06	7.38	8.04	5.50	3.00	3.50	0.0	0.0	10.81	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
505	060505	LÊ NGUYỄN NGỌC TRẦN	Nữ	05/09/2010	7.59	8.4	8.29	8.45	8.18	7.25	4.00	7.75	0.0	0.0	15.75	
506	060506	NGÔ NGUYỄN HUYỀN TRẦN	Nữ	27/12/2010	7.59	7.3	6.6	6.73	7.06	5.25	3.50	3.25	0.0	0.0	10.52	
507	060507	PHAN ĐOÀN BẢO TRẦN	Nữ	19/04/2010	7.23	7.79	7.23	7.3	7.39	6.75	2.00	3.50	0.0	0.0	10.79	
508	060508	PHẠM NGUYỄN BẢO TRẦN	Nữ	30/10/2009	5.41	5.19	5.18	5.5	5.32	5.00	0.25	2.00	0.0	0.0	6.67	Liệt
509	060509	VƯƠNG BẢO TRẦN	Nữ	20/12/2010	7.86	8.65	8.09	9.06	8.42	6.00	4.25	5.25	0.0	0.0	13.38	
510	060510	HUỖNH MINH TRIẾT	Nam	02/04/2010	6.33	6.68	6.83	6.61	6.61	1.25	0.25	3.00	0.0	0.0	5.13	Liệt
511	060511	TRỊNH MINH TRIẾT	Nam	20/12/2010	8.23	8.29	6.84	7.74	7.78	6.00	1.25	4.50	0.0	0.0	10.56	
512	060512	LÝ NGUYỄN LAN TRINH	Nữ	15/08/2010	8.35	8.05	7.81	8.08	8.07	7.25	4.00	3.50	0.0	0.0	12.75	
513	060513	ĐỖ QUỐC TRÍ	Nam	19/12/2010	9.28	8.94	8.73	8.28	8.81	6.00	4.75	6.75	0.0	0.0	14.89	
514	060514	NGÔ LÂM MINH TRÍ	Nam	18/05/2010	9.41	9.39	9.18	9.28	9.32	8.50	6.25	8.50	0.0	0.0	19.07	
515	060515	NGUYỄN HÀNG MINH TRÍ	Nam	06/04/2010	7.68	7.66	7.55	7.84	7.68	6.25	4.25	9.00	0.0	0.0	15.95	
516	060516	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	24/03/2010	9.55	9.63	9.4	9.41	9.5	7.00	4.75	8.00	0.0	0.0	16.68	
517	060517	NGUYỄN TRỌNG TRÍ	Nam	18/01/2010	6	6.16	6.15	6.88	6.3	5.25	3.50	4.00	0.0	0.0	10.82	
518	060518	TRẦN MINH TRÍ	Nam	17/09/2010	6.26	7.33	7.24	7.31	7.04	4.25	0.00	3.25	0.0	0.0	7.36	Liệt
519	060519	LÊ THANH TRỌNG	Nam	19/04/2010	6.43	6.9	7.66	8.29	7.32	6.00	6.00	8.00	0.0	0.0	16.20	
520	060520	PHAN VĂN TRỌNG	Nam	22/06/2010	8.24	7.69	7.24	8.09	7.82	5.00	3.75	6.25	0.0	0.0	12.85	
521	060521	ĐOÀN THÀNH TRUNG	Nam	19/05/2010	8.85	8.49	8.48	8.38	8.55	7.00	4.75	3.75	0.0	0.0	13.42	
522	060522	ĐOÀN THANH TRÚC	Nữ	20/12/2010	8.4	8.14	8.18	7.85	8.14	5.50	4.50	3.25	0.0	0.0	11.72	
523	060523	ĐỖ NGỌC THANH TRÚC	Nữ	16/03/2010	9.51	9.4	9.48	9.18	9.39	6.75	7.50	7.75	0.0	0.0	18.22	
524	060524	PHAN NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	16/11/2010	7.44	8.01	7.63	8.18	7.82	4.00	2.25	5.50	0.0	0.0	10.57	
525	060525	PHẠM THỊ NHÃ TRÚC	Nữ	26/02/2010	5.78	7.41	7.43	7.28	6.98	2.75	1.00	2.75	0.0	0.0	6.64	
526	060526	TRẦN THANH TRÚC	Nữ	30/08/2010	7.31	7.53	7.54	7.06	7.36	6.50	1.50	3.50	0.0	0.0	10.26	
527	060527	TRẦN XUÂN TRÚC	Nữ	20/10/2010	7.9	7.63	6.95	7.46	7.49	5.50	2.50	4.25	0.0	0.0	10.82	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
528	060528	ĐẶNG NHẬT TRƯỜNG	Nam	12/10/2010	7.66	6.3	6.41	6.45	6.71	3.75	3.25	3.50	0.0	0.0	9.36	
529	060529	NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	Nam	24/03/2009	6.04	7.16	7.06	7.44	6.93	5.50	1.50	3.25	0.0	0.0	9.25	
530	060530	PHAN PHONG TRƯỜNG	Nam	19/09/2010	7.76	7.86	6.49	6.89	7.25	4.50	3.00	2.00	0.0	0.0	8.83	
531	060531	TRẦN NGUYỄN TRƯỜNG	Nam	25/08/2009	7.24	7.4	7.16	6.58	7.1	4.75	4.25	3.25	0.0	0.0	10.71	
532	060532	VƯƠNG VŨ TRƯỜNG	Nam	03/04/2010	6.6	7.86	7.45	7.39	7.33	5.25	4.25	5.50	0.0	0.0	12.70	
533	060533	NGUYỄN HỮU TRUNG TRỰC	Nam	29/03/2010	8.88	9.3	9.09	9.34	9.15	6.50	7.25	7.00	0.0	0.0	17.27	
534	060534	HUỶNH VƯƠNG THÁI TUẤN	Nam	09/12/2010	6.33	8.08	6.49	6.84	6.94	4.75	1.25	3.00	0.0	0.0	8.38	
535	060535	MẶC ANH TUẤN	Nam	18/11/2010	9.1	9.05	9.41	9.39	9.24	6.50	7.25	7.00	1.0	0.0	18.30	
536	060536	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	24/06/2010	9.3	9.43	9.28	9.24	9.31	6.75	7.50	8.75	0.0	0.0	18.89	
537	060537	TẠ ANH TUẤN	Nam	11/02/2010	6.84	6.76	6.23	6.31	6.54	3.00	0.00	1.50	0.0	0.0	5.11	Liệt
538	060538	ĐỖ THANH TUYỀN	Nữ	09/03/2010	7.55	7.89	7.51	8.2	7.79	5.25	3.75	3.50	0.0	0.0	11.09	
539	060539	NGUYỄN THỊ MINH TUYỀN	Nữ	29/09/2010	9.38	9.53	9.59	9.6	9.53	7.25	8.00	8.00	0.0	0.0	19.13	
540	060540	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	Nữ	25/09/2010	9.19	9.34	9.53	9.59	9.41	8.00	6.75	8.25	0.0	0.0	18.92	
541	060541	TRẦN THỊ SƠN TUYỀN	Nữ	07/10/2010	8.66	7.95	7.04	7.14	7.7	5.00	2.00	2.50	0.0	0.0	8.96	
542	060542	NGUYỄN KIM TUYỀN	Nữ	27/05/2010	8.61	9.03	9.08	8.45	8.79	6.75	3.25	6.50	0.0	0.0	14.19	
543	060543	NGUYỄN MINH TUYẾT	Nữ	20/12/2010	7.34	8.28	7.15	7.44	7.55	7.00	2.75	3.75	0.0	0.0	11.72	
544	060544	HUỶNH THANH TÙNG	Nam	27/03/2010	7	6.86	7.08	7.3	7.06	5.00	3.00	3.00	0.0	0.0	9.82	
545	060545	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	Nữ	09/09/2010	7.46	8.71	8.35	8.36	8.22	6.50	4.25	3.25	0.0	0.0	12.27	
546	060546	NGUYỄN TUẤN TÚ	Nam	14/05/2010	8.78	8.36	7.4	8.05	8.15	4.75	6.25	2.25	0.0	0.0	11.72	
547	060547	TÔN THỌ MINH TÚ	Nam	26/02/2010	8.06	8.38	7.13	7.76	7.83	5.50	4.25	3.50	0.0	0.0	11.62	
548	060548	TRƯƠNG NGUYỄN NGỌC TÚ	Nữ	28/11/2010	7.58	6.91	7.08	7.83	7.35	3.75	3.50	4.00	0.0	0.0	10.08	
549	060549	LÊ NGUYỄN GIA TƯỜNG	Nam	20/11/2010	6.29	7.09	6.14	6.4	6.48	2.50	0.25	3.75	0.0	0.0	6.49	Liệt
550	060550	NGUYỄN GIA CÁT TƯỜNG	Nữ	07/05/2010	7.71	8.58	8.18	8.66	8.28	6.50	5.75	4.75	0.0	0.0	14.38	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
551	060551	TRẦN MẠNH TUỒNG	Nam	14/04/2010	6.43	5.9	5.46	5.8	5.9	2.00	2.25	2.50	0.0	0.0	6.50	
552	060552	VĂN CAO CÁT TUỒNG	Nữ	04/06/2010	7.05	7.45	6.46	8.01	7.24	4.25	3.25	3.75	1.0	0.0	11.05	
553	060553	ĐOÀN THỊ TÚ UYÊN	Nữ	17/03/2010	6.44	7.15	7.11	6.85	6.89	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	2.07	Liệt
554	060554	VƯƠNG THỊ PHƯƠNG UYÊN	Nữ	06/10/2010	7.7	8.09	8.65	8.35	8.2	6.25	3.00	3.75	0.0	0.0	11.56	
555	060555	HUỖNH TRẦN TRỌNG VĂN	Nam	13/06/2010	6.79	7.41	6.83	6.7	6.93	4.00	1.50	2.75	0.0	0.0	7.85	
556	060556	LÊ THỊ YẾN VI	Nữ	11/08/2010	7.1	7.55	7.16	7.53	7.34	3.92	2.50	4.25	0.0	0.0	9.67	
557	060557	ĐÀM PHÚC VIỆT	Nam	01/09/2010	6.65	7.54	7.55	7.96	7.43	6.25	5.00	5.50	0.0	0.0	13.95	
558	060558	LÊ ANH VIỆT	Nam	06/09/2010	8.59	8.65	9.13	9.21	8.9	7.50	5.00	4.50	0.0	0.0	14.57	
559	060559	LÊ QUỐC VIỆT	Nam	26/10/2010	6.74	8.49	7.68	8.2	7.78	5.75	3.75	4.25	0.0	0.0	11.96	
560	060560	TRẦN TIỀN VIỆT	Nam	22/11/2010	6.99	7.14	6.94	7.25	7.08	3.00	2.00	2.25	0.0	0.0	7.20	
561	060561	ĐÀO PHÚC VINH	Nam	06/01/2010	7.51	8.31	7.9	7.9	7.91	5.00	3.25	5.00	0.0	0.0	11.65	
562	060562	NGUYỄN QUANG VINH	Nam	20/06/2010	5.79	6.45	6.84	6.3	6.35	4.00	2.75	3.75	0.0	0.0	9.26	
563	060563	PHẠM NGUYỄN QUỐC VINH	Nam	10/05/2010	6.28	7.15	6.91	7.6	6.99	5.50	4.50	2.50	0.0	0.0	10.85	
564	060564	TRẦN BÙI QUANG VINH	Nam	28/02/2010	8.48	7.85	7.59	7.11	7.76	3.00	2.00	4.00	0.0	0.0	8.63	
565	060565	TRẦN CÔNG VINH	Nam	29/06/2010	8.64	8.85	9.03	8.96	8.87	6.83	7.25	5.00	0.0	0.0	16.02	
566	060566	TRẦN QUANG VINH	Nam	06/07/2010	8.06	8.36	8.61	8.73	8.44	6.67	4.50	5.50	0.0	0.0	14.20	
567	060567	TRẦN QUANG VINH	Nam	19/02/2010	8.19	8.59	8.75	8.43	8.49	6.50	4.75	6.25	0.0	0.0	14.80	
568	060568	NGUYỄN TRẦN THÁI VĨNH	Nam	08/02/2010	8.84	9.2	9.05	9.35	9.11	5.75	8.00	9.00	0.0	0.0	18.66	
569	060569	ĐỖ TẤN VŨ	Nam	08/05/2010	6.64	7.13	7.1	7.34	7.05	3.00	0.50	2.75	0.0	0.0	6.49	Liệt
570	060570	NGUYỄN THỊ THÁI VŨ	Nữ	25/07/2010	8.9	9.46	9.3	9.28	9.24	6.50	6.75	8.25	0.0	0.0	17.82	
571	060571	BÙI NGỌC THẢO VY	Nữ	15/11/2010	8.86	9.1	9.43	9.61	9.25	5.75	8.25	8.00	0.0	0.0	18.18	
572	060572	ĐU' TUỒNG VY	Nữ	16/11/2010	9.43	9.01	9.34	9.33	9.28	7.25	9.25	7.75	0.0	0.0	19.76	
573	060573	ĐẶNG PHƯƠNG VY	Nữ	20/05/2010	7	7.71	8.71	8.59	8	6.75	3.75	3.50	0.0	0.0	12.20	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG CỎI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm U.T	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
574	060574	ĐOÀN THỊ YẾN VY	Nữ	07/11/2010	8	8.2	8.05	8	8.06	5.50	2.50	2.50	0.0	0.0	9.77	
575	060575	HUỶNH THẢO VY	Nữ	21/08/2010	8.46	8.64	8.74	8.49	8.58	5.25	2.50	2.50	0.0	0.0	9.75	
576	060576	LÊ KIỀU VY	Nữ	10/02/2010	8.68	8.63	8.58	8.4	8.57	4.75	5.75	4.00	0.0	0.0	12.72	
577	060577	LÊ PHƯƠNG TRÚC VY	Nữ	28/07/2010	6.54	6.96	7	7.88	7.1	6.50	3.00	4.75	0.0	0.0	12.11	
578	060578	LÊ THỊ TƯỜNG VY	Nữ	17/05/2010	5.74	6.4	6.34	6.58	6.27	5.00	0.50	3.00	0.0	0.0	7.83	Liệt
579	060579	NGUYỄN CAO NHÃ VY	Nữ	06/02/2010	8.79	8.7	8.79	8.65	8.73	5.50	4.75	5.50	0.0	0.0	13.64	
580	060580	NGUYỄN HỒ KHÁNH VY	Nữ	13/01/2010	8.46	8.36	8.29	7.68	8.2	5.25	2.50	3.50	0.0	0.0	10.34	
581	060581	NGUYỄN NGỌC GIA VY	Nữ	25/05/2010	9.35	9.31	8.74	9.18	9.15	7.75	4.25	7.50	0.0	0.0	16.40	
582	060582	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG VY	Nữ	06/05/2010	6.93	7.71	7.04	7.23	7.23	4.00	2.75	3.75	0.0	0.0	9.52	
583	060583	NGUYỄN THANH VY	Nữ	02/03/2010	8.74	7.93	7.64	8.35	8.17	4.25	3.50	5.50	0.0	0.0	11.73	
584	060584	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	05/04/2010	8.73	8.13	7.5	8.54	8.23	5.58	4.50	3.50	0.0	0.0	11.98	
585	060585	TRẦN LÊ VY	Nữ	07/06/2010	9.6	9.53	9.64	9.56	9.58	6.50	6.75	6.00	0.0	0.0	16.35	
586	060586	VÕ PHAN LAM VY	Nữ	20/06/2010	8.56	8.3	8.18	8.18	8.31	3.50	1.50	3.75	0.0	0.0	8.62	
587	060587	VÕ THỊ THẢO VY	Nữ	05/03/2010	8.96	9.08	9.39	9.34	9.19	6.25	5.25	6.75	0.0	0.0	15.53	
588	060588	HUỶNH NGỌC XUÂN	Nữ	05/03/2010	9.08	8.83	8.89	8.75	8.89	7.50	6.00	6.50	0.0	0.0	16.67	
589	060589	HỒ NGỌC BẢO YẾN	Nữ	27/06/2010	8.29	8	7.95	7.83	8.02	4.50	4.25	3.75	0.0	0.0	11.16	
590	060590	NGUYỄN PHƯƠNG YẾN	Nữ	11/05/2010	8.33	8.53	7.51	7.38	7.94	6.67	2.75	3.75	0.0	0.0	11.60	
591	060591	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	Nữ	23/10/2009	9.14	8.81	8.66	8.93	8.89	5.00	4.50	6.00	0.0	0.0	13.52	
592	060592	PHẠM LÊ PHI YẾN	Nữ	10/06/2010	8.65	7.94	7.48	7.6	7.92	6.50	4.00	3.00	0.0	0.0	11.83	
593	060593	TRẦN MINH YẾN	Nữ	04/10/2010	8.83	8.64	9.18	9.03	8.92	6.75	5.25	5.25	0.0	0.0	14.75	
594	060594	TRẦN THANH KIM YẾN	Nữ	27/06/2010	6.81	7.18	6.66	7.04	6.92	6.25	2.50	4.25	0.0	0.0	11.18	
595	060595	CHAN SIN YI	Nữ	06/12/2009	8.15	8.23	6.74	7.53	7.66	4.00	1.00	5.50	0.0	0.0	9.65	
596	060596	LIM XIN YI	Nữ	24/01/2010	9.3	8.96	8.61	8.94	8.95	6.00	6.00	5.00	0.0	0.0	14.59	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT QUANG TRUNG (CS1)

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
597	060597	ĐẶNG NGỌC NHƯ Ý	Nữ	10/06/2010	9.24	9.09	9.34	9.18	9.21	7.00	6.00	5.25	0.0	0.0	15.54	
598	060598	ĐỖ THỊ NGỌC Ý	Nữ	28/10/2010	5.8	6.74	6.56	6.71	6.45	2.50	0.00	2.50	0.0	0.0	5.44	Liệt
599	060599	HUỖNH LÂM NHƯ Ý	Nữ	12/02/2010	8.06	8.25	8.06	8.2	8.14	7.50	3.25	6.25	0.0	0.0	14.34	
600	060600	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	07/05/2010	8.24	8.94	8.24	8.83	8.56	5.50	6.75	6.00	0.0	0.0	15.34	
601	060601	NGUYỄN NHƯ Ý	Nữ	17/03/2010	8.15	8.86	8.6	8.9	8.63	8.75	6.50	6.50	0.0	0.0	17.81	
602	060602	NGUYỄN THIÊN Ý	Nữ	03/02/2010	8.9	8.54	8.61	8.53	8.65	5.25	4.25	5.00	0.0	0.0	12.75	
603	060603	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	Nữ	08/01/2010	8.11	8.04	8.54	8.35	8.26	6.50	4.50	3.50	0.0	0.0	12.63	
604	060604	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	Nữ	17/12/2010	8.8	8.66	8.94	8.83	8.81	3.75	5.00	4.25	0.0	0.0	11.74	

Danh sách này có 604 thí sinh/

Cán bộ in


Trần Ngọc Linh

Cán bộ soát điểm


Võ Chung Lương

Tây Ninh, ngày 14 tháng 06 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



(Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phan Minh Tùng